

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
I	Ngành CTXH			Quyết định: 363 /QĐ - HVPNVN ngày 14/10/2015
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ol style="list-style-type: none"> 1. Sự hiểu biết về kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành 2. Hiểu biết về giá trị đạo đức nghề CTXH và thể hiện các hành vi đạo đức đó trong quá trình tác nghiệp 3. Hiểu biết về nguyên tắc tôn trọng sự khác biệt, đa dạng của thân chủ trong quá trình thực hành 4. Hiểu biết về quyền con người, công lý về kinh tế - xã hội 5. Hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu khoa học và tầm quan trọng của việc kết hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học với thực hành CTXH 6. Hiểu biết về các chính sách xã hội và việc xây dựng, phân tích, thực hành chính sách liên quan đến CTXH 7. Hiểu biết về hành vi con người và sự cần thiết của việc thu hút, vận động cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng vào quá trình thực hành nghề CTXH 8. Hiểu biết về phương pháp đánh giá, chuẩn đoán tình trạng cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng 9. Hiểu biết về các phương pháp can thiệp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng 10. Lượng giá thực hành CTXH với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng 11. Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ: <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) các ngôn bản chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v. - Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. - Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với mối quan tâm của cá nhân. - Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo. - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội. - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sinh viên. - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi. - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ol style="list-style-type: none"> 1. Học tiếp lên bậc cao học và nghiên cứu sinh ngành CTXH và các ngành gần theo quy định hoặc có thể học sau đại học tại các quốc gia khác trên thế giới. 2. Tự nghiên cứu các vấn đề về xã hội; về đặc điểm, nhu cầu và những khó khăn của các nhóm đối tượng của CTXH. 3. Ngoài ra có khả năng nghiên cứu các lý luận về nghề CTXH như: <ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng nghề CTXH; - Xu hướng phát triển của nghề CTXH; - Thực trạng nhu cầu đào tạo nghề CTXH;
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Tự thành lập, quản lý các loại hình dịch vụ CTXH. - Làm cán bộ, chuyên viên trong các vụ, sở, phòng thuộc ngành Lao động Thương binh – Xã hội các cấp. - Làm cán bộ, chuyên viên trong các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ quan trực thuộc ngành Lao động - Thương binh – Xã hội. - Làm nhân viên CTXH; cán bộ tham vấn trong các trường học. - Làm nhân viên CTXH trong các bệnh viện, các cơ sở khám và chữa bệnh thuộc ngành Y tế. - Làm cán bộ Công đoàn, cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp; cán bộ Đoàn Thanh niên trong các cơ quan, tổ chức, các địa phương. - Làm chuyên viên trong các tổ chức xã hội như: Hội Chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi; Hội Nông dân, Mặt trận tổ quốc.... - Làm nhân viên CTXH tại cộng đồng; trong các tổ chức tư nhân, các doanh nghiệp; - Làm chuyên viên trong các tổ chức Phi chính phủ (NGOs). - Làm giảng viên, nghiên cứu viên về CTXH trong các cơ sở đào tạo.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
II	Ngành QTKD			Quyết định: 363/QĐ - HVPNVN ngày 14/10/2015
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ol style="list-style-type: none"> 1. Sự hiểu biết về kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành 2. Hiểu biết về Marketing và Thương mại điện tử 3. Hiểu biết về Tài chính và Đầu tư 4. Hiểu biết về quyền con người, công lý về kinh tế - xã hội 5. Hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu khoa học 6. Hiểu biết về Tổ chức và Nhân lực 7. Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ: <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) các ngôn bản chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v. - Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. - Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với mối quan tâm của cá nhân. - Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội. - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sinh viên. - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi. - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm. - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Học nâng cao lên thạc sĩ, tiến sĩ ở những ngành trong khối về quản trị như: Quản trị kinh doanh, Quản trị marketing, Quản trị nhân lực, Quản lý kinh tế; hoặc có thể học nâng cao ở những ngành bên khối kinh tế như: Kinh doanh thương mại, Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế. - Có khả năng nghiên cứu độc lập những vấn đề về kinh tế, kinh doanh và quản lý. Cụ thể như trong kinh doanh và quản lý là các vấn đề về marketing, sản xuất, nhân lực và kế toán-tài chính; trong kinh tế là các vấn đề về chính sách kinh tế, sự vận hành của nền kinh tế, kinh tế học về giới...

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động khởi sự, thành lập và điều hành doanh nghiệp hoặc tham gia sáng lập doanh nghiệp; phát triển các loại hình kinh tế có sẵn của gia đình. - Chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng của doanh nghiệp như: phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng tổ chức nhân sự, phòng tài chính kế toán, ban quản lý dự án, phòng sản xuất hoặc thư ký giúp việc cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp. - Phát triển trở thành các nhà quản lý trong doanh nghiệp. - Chuyên viên, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. - Chuyên viên cho các ban phụ trách về phát triển kinh tế, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị xã hội cấp Trung ương và cấp tỉnh (bao gồm cả Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam). - Nghiên cứu viên hoặc giảng viên tại các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. - Phát triển trở thành các nhà tư vấn độc lập về các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp.
III	Ngành Truyền thông đa phương tiện			Quyết định: 510/QĐ - HVPNVN ngày 25/9/2017
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm, đầy đủ các chính sách, pháp luật của nhà nước; có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc; - Có khả năng giải thích, phân tích được những kiến thức lý luận và thực tiễn đối với ngành truyền thông đa phương tiện, bao gồm 3 khối kiến thức cốt lõi: kiến thức về công nghệ thông tin, kiến thức về mỹ thuật, kiến thức về báo chí – truyền thông - Có khả năng sản xuất được các sản phẩm truyền thông như các ấn phẩm báo chí, biên tập và thiết kế sách báo, chế bản điện tử, sáng tạo nội dung video, làm phong phú nội dung website; tạo ra các sản phẩm đồ họa đa phương tiện tương tác như: kỹ xảo điện ảnh, phim hoạt hình, game, website, đồ họa mô phỏng... để đáp ứng tốt những yêu cầu của nền công nghiệp sáng tạo và giải trí hiện đại. - Hình thành tư duy logic, có khả năng tổ chức, đánh giá, triển khai, giám sát, tham gia, thực hiện truyền thông, quảng cáo cho một sự kiện quy mô lớn tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế. - Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; nhận thức được các vấn đề về bình đẳng giới trong lĩnh vực truyền thông; - Có năng lực giao tiếp, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho ngành truyền thông; - Có đủ sức khỏe để làm việc.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo. - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội. - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<p>nước cho sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi. - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm. - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học lên trình độ cao hơn.
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thiết kế đồ họa 2D/3D; - Nhân viên thiết kế, xây dựng trò chơi điện tử; - Kỹ thuật viên dựng audio, video truyền thông. - Nhân viên thiết kế, xây dựng phim hoạt hình: kịch bản, thiết kế nhân vật...; dùng các phần mềm máy tính thực hiện các bước để sản xuất phim; - Chuyên viên hoạch định, tổ chức, thực hiện các chiến dịch truyền thông. - Cán bộ quản lý, giám sát, điều hành các bộ phận về tổ chức: chương trình truyền hình, quảng cáo, kỹ xảo điện ảnh tại các đài phát thanh và truyền hình, các tòa soạn báo, công ty truyền thông. - Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm đa phương tiện. - Cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về lĩnh vực đa phương tiện tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo như trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm dạy nghề...

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
IV	Ngành Luật			Quyết định: 363/QĐ - HVPNVN ngày 14/10/2015
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ol style="list-style-type: none"> 1. Sự hiểu biết về kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành 2. Hiểu biết về Pháp luật Kinh tế 3. Hiểu biết về Pháp luật Hành chính 4. Hiểu biết về quyền con người, công lý về kinh tế - xã hội 5. Hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu khoa học 6. Hiểu biết về Pháp luật về Phụ nữ và bình đẳng giới 7. Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ: <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) các ngôn bản chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v. - Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. - Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với mối quan tâm của cá nhân. - Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: <ul style="list-style-type: none"> + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội. - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sinh viên. - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi. - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm. - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Học lên cao hơn ở các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong các ngành: Luật học, Luật kinh tế, Luật hành chính, Quyền con người, Quản lý hành chính công, Hành chính học... - Có khả năng nghiên cứu độc lập những vấn đề: Quyền con người, Chính sách pháp luật

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Làm cán bộ, công chức, viên chức và chuyên viên về luật, kiểm sát viên, thư ký tòa án, giám định viên... tại các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương như Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương; các cơ quan Công an, Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án. - Làm nhân viên/chuyên gia tư vấn pháp lý, nhân viên hành chính văn phòng, tổ chức nhân sự, pháp chế, trọng tài viên, bào chữa viên, trợ giúp pháp lý viên... tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý như văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức trọng tài. - Làm cán bộ, chuyên viên chuyên trách về chính sách, pháp chế trong cơ quan đoàn thể các cấp thuộc hệ thống chính trị như Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. - Làm giảng viên, nghiên cứu viên tại các đơn vị sự nghiệp công lập như các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học về pháp luật, về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...
V	Ngành Giới và phát triển			Quyết định: 363/QĐ - HVPNVN ngày 14/10/2015
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ được các kiến thức cơ bản về phát triển, các lý thuyết phát triển xã hội và phát triển cộng đồng. - Trình bày được các quan điểm phát triển có liên quan đến giới, phụ nữ như Phụ nữ trong Phát triển (WID), Giới và Phát triển (GAD), điểm mạnh, điểm yếu của các quan điểm trên; phân tích được các vấn đề mới phát sinh đối với phụ nữ trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. - Ghi nhớ được các thuyết nữ quyền, các phong trào phụ nữ thế giới; mối quan hệ giữa Phụ nữ học và các ngành khoa học khác, đặc biệt là các ngành Khoa học về Giới, Phát triển học. Đặc biệt, ghi nhớ được truyền thống và các phong trào phụ nữ Việt Nam. - Hiểu được, phân tích được, lồng ghép được vấn đề giới trong các lĩnh vực cụ thể như chính trị, giáo dục đào tạo, gia đình, môi trường, truyền thông, v.v. - Hiểu và áp dụng được các kỹ năng giới cơ bản khác như lập kế hoạch giới, đánh giá tác động giới, tuyên truyền vận động giới và nhiều kỹ năng bổ trợ khác như kỹ năng xây dựng nhóm làm việc, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, v.v.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trên để phát hiện, phân tích được các vấn đề giới trong gia đình và xã hội; đưa ra được các giải pháp giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới. - Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: <ul style="list-style-type: none"> + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo. - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội. - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sinh viên. - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm. - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên sau khi ra trường, có khả năng học tập các khóa học học ngắn hạn, dài hạn có chứng chỉ/bằng cấp hoặc không có chứng chỉ/bằng cấp, đặc biệt là ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ các ngành về Giới, Phát triển, Phụ nữ học và các ngành kinh tế xã hội có lồng ghép giới. Các chương trình đào tạo nâng cao về Giới và Phát triển có nhiều quốc gia trên thế giới (như Anh, Mỹ, Hà Lan, New Zealand, Hàn Quốc, Thái Lan, v.v) và trong tương lai là ở Học viện Phụ nữ Việt Nam thông qua đào tạo chuyên sâu và các chương trình liên kết với nước ngoài. - Sinh viên sau khi ra trường có khả năng nghiên cứu các vấn đề về giới trong mối liên hệ với các vấn đề phát triển (kinh tế, chính trị, môi trường, truyền thông, chính sách, luật pháp...) Ngoài ra sinh viên có khả năng nghiên cứu các lý luận về ngành Khoa học Giới và các ngành khoa học liên quan.
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Là cán bộ, chuyên viên, nghiên cứu viên, cán bộ dự án, trợ lý dự án trong các cơ quan chuyên trách Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp từ Trung ương đến địa phương (phường, xã). - Là cán bộ, chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ cấp địa phương (xã phường) tới cấp trung ương - Là cán bộ hoạch định chính sách, các chuyên viên làm việc trong các Bộ, Vụ, ban ngành từ Trung ương đến địa phương - Làm chuyên gia tư vấn giới hoặc tư vấn giới – xã hội cho các dự án, các chương trình phát triển. - Là chuyên viên, cán bộ chương trình, điều phối viên trong các dự án và chương trình phát triển. - Là cán bộ, nhân viên, tình nguyện viên trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức cộng đồng, các tổ chức tình nguyện viên. - Là giảng viên về Giới và Phát triển, nghiên cứu viên trong các nhà trường, học viện, viện nghiên cứu v.v

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
VI	Ngành QT dịch vụ du lịch và lữ hành			Quyết định: 510/QĐ - HVPNVN ngày 25/9/2017
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm, đầy đủ các chính sách, pháp luật của nhà nước; có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc; - Có tư duy kinh tế một cách khoa học, hệ thống; hiểu biết sâu sắc về cả lý luận và thực tiễn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có khả năng làm việc ở môi trường trong nước và quốc tế; - Có khả năng tạo lập, tổ chức, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và doanh nghiệp du lịch trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị; - Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; nhận thức được các vấn đề về bình đẳng giới trong các hoạt động kinh tế, kinh doanh; - Có năng lực giao tiếp, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là năng lực ngoại ngữ chuyên ngành du lịch, khách sạn; - Có đủ sức khỏe để làm việc.
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về các ngành nghề đào tạo cũng như thông tin học tập của người học: + Thời khóa biểu từng học kỳ và lịch học toàn khóa khi nhập học. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của giáo viên chủ nhiệm. + Thông tin cho sinh viên (họ tên, địa chỉ email, số điện thoại văn phòng) của cố vấn học tập. + Cung cấp địa chỉ website của Trường. + Cung cấp tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài khoản truy cập Internet, WIFI. + Cung cấp địa chỉ, tên truy cập, mật khẩu và hướng dẫn sinh viên truy cập vào cổng thông tin đào tạo để nhận các thông tin về quản lý và tổ chức đào tạo của Trường. + Cung cấp các thông tin, địa chỉ, số điện thoại, email các phòng chức năng, các đơn vị trong Trường để sinh viên tiện liên hệ. - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...), các tổ chức xã hội, các câu lạc bộ học thuật và sở thích trong nhà trường ; và tạo điều kiện để có thể tham gia các hoạt động xã hội khác tuân theo quy định của pháp luật. - Được sử dụng Internet miễn phí, kho thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường và của các cơ sở phối hợp đào tạo. - Sinh viên thuộc các chương trình cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, tiên tiến và chuẩn quốc tế

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
				<p>còn được tham gia học các khóa học kỹ năng mềm để nâng cao khả năng giao tiếp đáp ứng nhiều tiêu chuẩn cao của xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài các học bổng theo quy định, sinh viên trong trường có cơ hội được nhận các giải thưởng, học bổng tài trợ do nhiều cơ quan, xí nghiệp cũng như các tổ chức trong và ngoài nước trao tặng. - Cung cấp thẻ sinh viên đa năng (sử dụng cho tài khoản tại ngân hàng, sử dụng giao dịch tại Trung tâm Thông tin Thư viện). - Cung cấp thông tin và làm thủ tục để sinh viên vay vốn ngân hàng. - Cung cấp thông tin và lịch học, tổ chức học chính trị đầu khóa học cho sinh viên.- Cung cấp thông tin, lịch tổ chức gặp mặt, giới thiệu và tìm hiểu ngành nghề tại các đơn vị cho sinh viên. - Cung cấp thông tin và các tiêu chuẩn, các nguồn học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sinh viên. - Cung cấp thông tin, tiêu chuẩn và tư vấn cho sinh viên có thể đăng ký chỗ ở trong ký túc xá của Trường hoặc tìm kiếm chỗ ở thuận lợi. - Cung cấp thông tin, hình thức, nội dung các đợt sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt ngoại khóa trong năm học, khóa học. - Tư vấn về các loại bảo hiểm. - Tư vấn về việc làm (trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp). - Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị (học tập, triển khai nghị quyết, chỉ thị các cấp) liên quan đến sinh viên. - Tổ chức đối thoại với sinh viên các chương trình, các hệ đào tạo để lắng nghe và trực tiếp giải đáp các ý kiến của sinh viên
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ; - CTĐT được cập nhật, đáp ứng nhu cầu, đúng trình độ; - Giảng viên, giáo trình/tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị đủ để thực hiện CTĐT.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học lên các trình độ cao hơn.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
6	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>- Với những kiến thức chuyên sâu của ngành quản trị du lịch, sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vai trò, vị trí khác nhau để làm những công việc có liên quan đến dịch vụ du lịch, chẳng hạn: hướng dẫn viên, thuyết trình viên ở các khu di tích, lịch sử, văn hóa; thiết kế chương trình du lịch trong các cơ sở kinh doanh du lịch, lập kế hoạch kinh doanh, điều hành chương trình du lịch; giảng viên, cán bộ nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về du lịch.</p> <p>- Với những kiến thức được trang bị một cách cơ bản và có tính đặc thù, sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có nhiều lựa chọn và nhiều cơ hội để thử sức trong những lĩnh vực và ở các vị trí công việc khác nhau. Cụ thể trong các lĩnh vực: dịch vụ công cộng, các tổ chức thương mại và kinh doanh quốc tế, quản trị doanh nghiệp; các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức nghiên cứu và tư vấn về kinh doanh và quản trị doanh nghiệp kinh doanh du lịch, hoặc có thể tự khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp.</p>

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

TS. Trần Quang Tiến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 - 2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	x	x	1966	x	x	x	x	x
1	Khối ngành I	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Khối ngành II	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Khối ngành III	x	x	914	x	x	x	x	x
4	Khối ngành IV	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Khối ngành V	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Khối ngành VI	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Khối ngành VII	x	x	1052	x	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	178	0	0	0	0
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III	73	0%	4.1%	70%	96.4%
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	105	0%	8.6%	66.7%	69%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh A1	Học phần này giúp sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học: Các thì: hiện tại đơn giản, quá khứ đơn giản; Động từ Can; Tính từ; Tính từ sở hữu; Đại từ sở hữu; Sở hữu cách của danh từ; Giới từ chỉ thời gian; trạng từ chỉ tần suất; Đọc để tăng cường vốn từ về các chủ đề quen thuộc: bản thân, gia đình, bè bạn, đất nước, con người, công việc, cuộc sống, giải trí	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 45 tiết (03 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1 (viết): 20%. - Điểm bài kiểm tra số 2 (nói): 10%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
2	Tiếng Anh A2 (HP1)	Học phần này giúp sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học: Các thì: hiện tại đơn giản, quá khứ đơn giản, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần; hiện tại hoàn thành; So sánh hơn, so sánh cao nhất; Tính từ; từ chỉ số lượng; trạng từ; Giới từ chỉ thời gian; trạng từ chỉ tần suất; Kỹ năng nghe và nắm ý chính; Viết theo mẫu: điền thông tin cá nhân; viết thư cá nhân, viết một đoạn văn đề thông báo hoặc miêu tả sự kiện, trải nghiệm, trình bày cảm xúc ẩn tượng về sự kiện đó.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 45 tiết (03 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1 (viết): 20%. - Điểm bài kiểm tra số 2 (nói): 10%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
3	Tiếng Anh B1 (HP1)	Học phần này củng cố và mở rộng những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học: Từ vựng theo chủ đề: đất nước và thành phố, con người, động vật, sức khỏe và lối sống, cảm xúc, sở thích, thời trang, du lịch, giải trí, tiểu sử, môn học; phát âm: Trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu; ngữ pháp: các thì, câu bị động, câu điều kiện loại 1, loại 2; nghe nói: các tình huống quen thuộc thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí; Đọc lướt để xác định ý chính	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 45 tiết (03 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 20%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 10%. - Thi kết thúc học phần: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Tiếng Anh B1 (HP2)	Học phần này củng cố và mở rộng những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học: Từ vựng theo chủ đề: tính cách, gia đình, nhà cửa, bạn bè, việc làm, tài chính, giáo dục, thể thao, giải trí, đồ ăn, nhà hàng cụm động từ; động từ và tính từ đi với giới từ; tính từ mạnh; nghe và nắm ý chính; nghe và tìm thông tin chi tiết; Tìm ý và triển khai một đoạn văn, viết bài miêu tả, viết văn kể chuyện, viết thư	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 45 tiết (03 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 20%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 10%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
5	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	Môn học này giúp người học phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường thương mại, kinh doanh quốc tế; sinh viên có thêm những kiến thức nhất định về một số chủ đề: hoạt động trong môi trường kinh doanh thương mại như: kinh doanh trực tuyến, ý tưởng kinh doanh, xây dựng kế hoạch, quản lý nhân sự; ôn tập và củng cố các chủ điểm ngữ pháp, cấu trúc câu và từ vựng; rèn luyện kỹ năng nghe đọc hiểu, thảo luận, trình bày liên quan đến các chủ đề nói trên.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 15%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 15%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
6	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	Môn học giúp sinh viên rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng, có thêm kiến thức cơ bản về các hoạt động: Quảng bá sản phẩm, lập kế hoạch, quản lý nhân sự, giải quyết mâu thuẫn, khởi nghiệp và giới thiệu sản phẩm mới; hệ thống được các chủ điểm từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu liên quan đến các chủ đề nói trên; thể hiện được các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, đọc hiểu lấy ý chính, xác định ý cụ thể hoặc suy luận), kỹ năng làm việc theo nhóm, trao đổi thông tin, thảo luận, đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, trình bày về các chủ đề liên quan đến quản trị kinh doanh được đề cập.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 15%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 15%. - Thi kết thúc học phần: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản và cần thiết để có thể đọc hiểu tài liệu về những vấn đề thuộc chuyên ngành công tác xã hội như: an sinh xã hội, chính sách xã hội, vai trò của nhân viên xã hội, giao tiếp trong công tác xã hội, tham vấn, can thiệp, công tác xã hội cá nhân, gia đình, nhóm, phát triển cộng đồng.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 15%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 15%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
8	Tiếng Anh chuyên ngành DL1	Học phần giúp người học phát triển khả năng sử dụng Tiếng Anh trong môi trường thương mại, kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành. Chương trình chú trọng giúp sinh viên rèn luyện và phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết; có thêm kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ tại nhà hàng, khách sạn, sân bay, quảng bá điểm đến, hướng dẫn du lịch, điều hành tour, giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng; hệ thống được các chủ điểm từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc liên quan đến các chủ đề nói trên; trao đổi thông tin, thảo luận, đàm phán, trình bày, thuyết phục, giải quyết khiếu nại, đơn thư về các dịch vụ du lịch và lữ hành.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 15%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 15%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
9	Tiếng Anh chuyên ngành DL2	Học phần giúp người học phát triển khả năng sử dụng Tiếng Anh trong môi trường thương mại, kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành. Chương trình chú trọng giúp sinh viên rèn luyện và phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết; có thêm kiến thức cơ bản về các vị trí và nhiệm vụ công việc trong ngành du lịch, các nghiệp vụ như: quảng bá địa điểm du lịch, truyền thông, lễ hội, kinh doanh và điều hành tour, giải quyết các vấn đề tại khách sạn và liên quan lữ hành; hệ thống được các chủ điểm từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc liên quan đến các chủ đề nói trên; Thể hiện được các kỹ năng ngôn ngữ, trao đổi thông tin, thảo luận, đàm phán, trình bày, giải quyết đơn thư, lập kế hoạch lịch trình, viết báo cáo về các dịch vụ du lịch và lữ hành.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thực hành, thảo luận/ 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài kiểm tra số 1: 15%. - Điểm bài kiểm tra số 2: 15%. - Thi kết thúc học phần: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tâm lý học phát triển	Học phần khái quát những kiến thức cơ bản về Tâm lý học phát triển; Mô tả quá trình phát triển của cơ thể con người từ khi bắt đầu được thụ thai đến khi từ già cõi đời; Trình bày các hoạt động xã hội và các mối quan hệ giao tiếp của con người có ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý; Giúp sinh viên hiểu được bản chất, động lực của sự phát triển và đặc điểm tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi.	2	- Lý thuyết: 30 tiết (02 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 15 tiết (01 tiết/1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận: 50%.
11	Tâm lý học du lịch	Học phần tâm lý học du lịch trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về một số hiện tượng tâm lý cá nhân, tâm lý xã hội, và những ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh doanh du lịch. Vận dụng những thành tựu tâm lý học để nhận biết, đánh giá, điều khiển và điều chỉnh hành vi của con người trong hoạt động du lịch, đặc biệt là hành vi của du khách và hành vi của nhà cung ứng trong du lịch. Nghiên cứu đặc điểm tâm lý phát sinh, phát triển trong hoạt động du lịch để vận dụng nó vào quá trình phục vụ du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	3	- Lý thuyết: 36 giờ - Thảo luận, kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 24 giờ - Tự học: 60 giờ	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận/trắc nghiệm): 50%.
12	Tâm lý trong QTKD	Tâm lý học quản trị kinh doanh là một khoa học ứng dụng nhằm nghiên cứu và thực hành về cải thiện cuộc sống/môi trường làm việc. Môn học giúp cho sinh viên có một sự hiểu biết kết hợp giữa khoa học về hành vi, tâm lý con người với việc tổ chức, quản lý công việc để tạo ra các mối quan hệ lành mạnh, hiệu quả và cùng có lợi giữa con người và tổ chức, từ đó đạt được hiệu suất, hiệu quả và bền vững cho cả cá nhân và tổ chức/ doanh nghiệp. Môn học cũng giúp cho sinh viên nhận diện, vận dụng được các kiến thức tâm lý cơ bản trong quản trị kinh doanh; đặc biệt là trong việc xây dựng tập thể sản xuất, kinh doanh; giải quyết các tình huống trong quản lý, kinh doanh; bước đầu rèn luyện và hình thành một số kỹ năng tạo môi trường làm việc an toàn, tăng năng suất	2	- Lý thuyết: 30 tiết (02 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 15 tiết (01 tiết/1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 10 % - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và hiệu suất lao động nhằm cải thiện sự phát triển của cả doanh nghiệp và người lao động.			
13	Hành vi con người và MTXH	Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội. Trình bày các khái niệm và các cách phân loại hành vi con người và môi trường xã hội. Phân tích, giải thích ảnh hưởng của môi trường xã hội đến hành vi con người. Đồng thời đề cập đến một số lý thuyết nghiên cứu về hành vi con người và môi trường xã hội. Làm rõ những vấn đề thực tiễn về hành vi con người và môi trường xã hội ở Việt Nam	2	- Lý thuyết: 30 tiết (02 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 15 tiết (01 tiết/1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận: 50%.
14	Kỹ năng giao tiếp	Học phân trang bị cho người học những vấn đề chung về kỹ năng giao tiếp như: khái niệm giao tiếp, vai trò của giao tiếp, phương tiện giao tiếp, các nguyên tắc và phong cách giao tiếp. Đồng thời giúp sinh viên rèn luyện và hình thành các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết trình, từ đó hình thành ở người học sự tự tin, chủ động trong giao tiếp, tôn trọng đối tượng giao tiếp, hợp tác trong quá trình làm việc.	2	-Lý thuyết: 21 giờ - Thảo luận, thực hành, kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 24 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm + thực hành kỹ năng): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ (thực hành kỹ năng): 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận/trắc nghiệm): 50%.
15	Kỹ năng sống	Học phân trang bị cho người học những vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống. Đồng thời, học phân cũng đề cập đến những nội dung cụ thể nhằm hình thành kỹ năng sống cho người học, bao gồm 4 chủ đề là: kỹ năng tự nhận thức; kỹ năng xác định mục tiêu; kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề; kỹ năng ứng phó với căng thẳng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các kỹ năng đã học vào giải quyết có hiệu quả những tình huống đa dạng của cuộc sống.	2	Lý thuyết: 25 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 20 giờ Tự học: 45 giờ	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm + thực hành kỹ năng): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ (thực hành kỹ năng): 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận/trắc nghiệm): 50%.
16	Tâm lý học giới	Tâm lý học giới là môn học nghiên cứu về các đặc tính hay đặc điểm gắn liền với giới tính sinh học của các đối tượng. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên	2	- Lý thuyết: 30 tiết (02 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 15	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, làm bài tập cá nhân, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức về ý nghĩa của giới tính đối với các quá trình tâm lý; những khác biệt giới tính, sự biến đổi giới tính trong giới và vai trò giới và các vấn đề về giới có liên quan trong đời sống tâm lý-xã hội.		tiết (01 tiết/1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	nhóm: 10 % - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
17	Tâm lý học đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của khoa học tâm lý về các hiện tượng tâm lý người. Từ khái niệm, phương pháp nghiên cứu; nguồn gốc nảy sinh, hình thành, phát triển tâm lý, ý thức và bản chất các hiện tượng tâm lý như các quá trình tâm lý (nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động ý chí), các trạng thái tâm lý, các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách	2	- Lý thuyết: 30 tiết (02 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 15 tiết (01 tiết/1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần (Số giờ tham dự học/Tổng số giờ): 10%. - Điểm bài tập (cá nhân + nhóm): 20%. - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 50%.
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa học: định nghĩa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc các loại hình văn hóa; các kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa, các thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa, văn hóa và sự phát triển ở Việt Nam hiện nay.	2	Lý thuyết: 30 tiết Thảo luận, kiểm tra: 20 tiết Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi kết thúc học phần: 60%
19	Tiếng Việt thực hành	Học phần cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng xây dựng văn bản, kỹ năng phân tích, thuật lại văn bản, chủ yếu là văn bản khoa học, gắn với hoạt động học tập, nghiên cứu, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác sau khi tốt nghiệp.	2	Lý thuyết: 45 tiết Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 tiết Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập, viết tiểu luận ở nhà: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi kết thúc học phần: 60%
20	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về những nền văn minh tiêu biểu trong thời cổ trung đại ở Bắc Phi, châu Á, khu vực Mỹ la tinh, nền văn minh công nghiệp và thông tin thời cận hiện đại của thế giới; những điều kiện hình thành nền văn minh, trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; nắm được lịch sử thành lập và cấu trúc của nhà nước, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành	2	Lý thuyết: 45 tiết Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập, viết tiểu luận ở nhà: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật			
21	Giáo dục thể chất (HP1)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và sự phát triển của môn bóng chuyền hơi trên thế giới và ở Việt Nam. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật: di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay. Hiểu biết và vận dụng được các điều luật cơ bản trong quá trình tập luyện và thi đấu. Người học có thể sử dụng môn bóng chuyền hơi như là một phương tiện để rèn luyện thân thể. Vận dụng các kỹ năng của môn học bóng chuyền hơi làm cơ sở phát triển thể lực khoa học. Trong quá trình học tập của môn học người học cần có thái độ tự giác, tích cực tập luyện môn bóng chuyền hơi.	1	Lý thuyết 02 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Thực hành 26 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Tự học 02 tiết	Điểm thường xuyên: Đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần: 10%. Điểm thi giữa kỳ: thi thể lực (chạy rẽ quạt): 30% Điểm thi cuối kỳ: kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng: 60%
22	GD thể chất (HP2)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử ra đời và sự phát triển của môn cầu lông trên thế giới và ở Việt Nam; giúp sinh viên nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; các điều luật cơ bản, vận dụng vào trong quá trình tập luyện và thi đấu; Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông. Sử dụng thuần thục các kỹ năng đã được học vào trong tập luyện và thi đấu.	1	Lý thuyết 02 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Thực hành 26 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Tự học 02 tiết	Điểm thường xuyên: Đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần: 10%. Điểm thi giữa kỳ: thi thể lực (di chuyển ngang): 30% Điểm thi cuối kỳ: kỹ thuật phát cầu thuận tay, kỹ thuật phát cầu trái tay, kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải, kỹ thuật, kỹ thuật thuật đánh cầu thấp tay bên trái: 60%
23	GD thể chất (HP3)	Học phần giúp người học phát triển thể hình toàn diện, cân đối. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về môn thể dục cơ bản. Lịch sử ra đời và phát triển của môn thể dục. Ý nghĩa, tác dụng của thể dục cơ bản. Hình thành cho sinh viên những tư thế đúng, cách hạn chế và khắc phục các tư thế xấu. Cùng cố và tăng cường sức khỏe cho sinh viên, xây dựng nếp sống lành mạnh. Cung cấp kiến thức và phương pháp sử	1	Lý thuyết 02 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Thực hành 26 tiết (02 tiết/ 1 tuần) Tự học 02 tiết	Điểm thường xuyên: Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, không nghỉ quá 20% số buổi học, không đi học muộn: 10%. Điểm thi giữa kỳ: từ nhịp 1 đến nhịp 40: 30% Điểm thi cuối kỳ: Thực hiện bài thể dục tay không liên hoàn 80 động tác: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng phương tiện thể dục thể thao để hồi phục, tăng cường các chức năng của cơ thể. Giáo dục nhân cách đạo đức, tác phong chuẩn mực cho sinh viên.			
24	Mác Lênin 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về phép biện chứng và Chủ nghĩa Duy vật về lịch sử, từ đó vận dụng thể giới quan, phương pháp luận Triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước và thế giới. Sinh viên có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, KT: 15 tiết (1 tiết/1 tuần lễ) - Tự học: 60 tiết	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% Điểm kiểm tra viết định kì: 20% Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%
25	Mác Lênin 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về hình thái giá trị, hình thái giá trị thặng dư, Học thuyết về CNTB độc quyền và CN tư bản độc quyền Nhà nước của Lênin, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn đề có tính chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Từ đó, sinh viên vận dụng những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật để hiểu và giải thích được các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong nước và thế giới, sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.	3	Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, KT: 15 tiết (1 tiết/1 tuần lễ) - Tự học: 60 tiết	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% Điểm kiểm tra viết định kì: 20% Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%
26	Tư tưởng HCM	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng cộng sản Việt Nam và của cách mạng nước ta. Sinh viên tích cực học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	2	Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, KT: 15 tiết (1 tiết/1 tuần lễ) - Tự học: 45 tiết	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% Điểm kiểm tra viết định kì: 20% Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Đường lối cách mạng của Đảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu là đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Từ đó, sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội, đồng thời vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước.	3	Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, KT: 15 tiết (1 tiết/1 tuần lễ) - Tự học: 60 tiết	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% Điểm kiểm tra viết định kì: 20% Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%
28	Logic học đại cương	Giúp sinh viên hiểu được đối tượng nghiên cứu của khoa học logic đại cương; hiểu vững các hình thức cơ bản của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, sự thể hiện của tư tưởng thông qua những hình thức này; hiểu được sự tác động của các quy luật logic cơ bản của tư duy tác động trong tư duy hình thức; hình dung được khái quát sự tác động của tư duy logic trong nhận thức và hoạt động thực tiễn; nhận dạng được những dạng lỗi logic của tư duy khi vi phạm vào các quy tắc và quy luật của tư duy đúng đắn; hình thành và rèn luyện thói quen tư duy logic một cách chặt chẽ, chính xác, khoa học tiến đến xây dựng văn hóa tư duy. Từ đó, giúp sinh viên giải được các bài tập liên quan đến môn học, xử lý được các tình huống trong nhận thức và hoạt động thực tiễn khi tư duy phải tuân thủ các quy luật logic; có khả năng tìm kiếm, phát hiện và khắc phục những lỗi của tư duy khi vi phạm vào các quy luật và quy tắc của tư duy đúng đắn; vận dụng được những tri thức và phương pháp đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn.	2	Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, KT: 15 tiết (1 tiết/1 tuần lễ) - Tự học: 60 tiết	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% - Điểm kiểm tra viết định kì: 20% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Lý thuyết và ngôn ngữ TT	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các quan niệm về truyền thông, các mô hình truyền thông, môi trường truyền thông, một số lý thuyết truyền thông (Lý thuyết thâm nhập xã hội, lý thuyết giảm bớt sự không chắc chắn, lý thuyết học tập xã hội...), các loại hình truyền thông (Truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm, truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội), chu trình truyền thông và đặc biệt là các bước lập kế hoạch truyền thông ; Khái niệm ngôn ngữ truyền thông, đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông, ngôn ngữ của các loại hình truyền thông (Truyền thông in ấn, truyền thông phát sóng, truyền thông internet).	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 50%
30	TT Marketing tích hợp	Học phần giúp sinh viên hiểu vận dụng các công cụ của truyền thông marketing gồm: quảng cáo, xúc tiến bán, bán hàng cá nhân, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp vào thực tiễn marketing một sản phẩm hoặc một dịch vụ. Các nội dung chủ yếu của môn học tập trung vào: kiến thức cơ bản về truyền thông marketing; các tổ chức hoạt động truyền thông marketing; những công cụ cơ bản của truyền thông marketing; quy trình truyền thông marketing; đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 50%
31	Kịch bản truyền thông	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kịch bản truyền thông như: Tổng quan về kịch bản và kịch bản truyền thông, vai trò của kịch bản, các dạng kịch bản; Kịch bản điện ảnh: Khái niệm, đặc điểm của kịch bản điện ảnh, cách viết kịch bản điện ảnh; Kịch bản quảng cáo (TVC): Khái niệm, đặc điểm của kịch bản quảng cáo, cách viết kịch bản quảng cáo; Kịch bản truyền hình: Khái niệm, đặc điểm của kịch bản truyền hình, cách viết kịch bản truyền hình.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	QL dự án đa phương tiện	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý dự án đa phương tiện như: Tổng quan về dự án đa phương tiện; đặc điểm của các dự án đa phương tiện; các yếu tố tác động vào quản lý dự án đa phương tiện; quy trình quản lý dự án đa phương tiện	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (3 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 50%
33	Kỹ thuật ghi hình	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật ghi hình bao gồm kiến thức như: Kỹ thuật quay phim: Giới thiệu về máy quay, các thiết bị hỗ trợ về quay phim; Nghệ thuật quay phim: Các cỡ cảnh, bố cục trong nghệ thuật tạo hình quay phim	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (6 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
34	Sản xuất phim quảng cáo	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản xuất phim quảng cáo bao gồm: Khái quát chung về quảng cáo, đặc điểm của phim quảng cáo; Quy trình sản xuất phim quảng cáo từ khâu lên ý tưởng, viết kịch bản, lên kế hoạch, ghi hình làm hậu kỳ, biên tập chỉnh sửa, hoàn thiện, đăng tải.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
35	Quan hệ công chúng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng gồm: Khái niệm, chức năng của PR; Các bước lập kế hoạch chiến dịch PR; Các công cụ truyền thông để thực hiện quan hệ công chúng, Ứng xử với giới truyền thông, Xử lý khủng hoảng truyền thông và đạo đức của người làm PR	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (3 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thi viết): 50%
36	Tổ chức sự kiện	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: Tổng quan về sự kiện, tổ chức sự kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; Quy trình tổ chức sự kiện từ công tác lập kế hoạch, triển khai, thực hiện, giám sát đến xử lý các tình huống có thể phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (6 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
37	KD sản phẩm truyền	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách kinh doanh sản phẩm truyền thông: Khái niệm kinh doanh sản phẩm truyền thông; đặc điểm	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành:	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thông số	của kinh doanh sản phẩm truyền thông; các bước thực hiện kinh doanh sản phẩm truyền thông (Lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh, kiểm tra, đánh giá kết quả kinh doanh...)		30 tiết (3 tiết/1 tuần - Tự học: 60 giờ	- Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thi viết): 50%
38	Kiến tập	Học phần cung cấp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về nghề truyền thông, đồng thời sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, có cơ hội quan sát, lắng nghe để hiểu rõ hơn về lĩnh vực truyền thông. Sinh viên được tiếp cận và theo dõi mô hình sản xuất sản phẩm truyền thông. Đồng thời giúp sinh viên củng cố, hệ thống hóa kiến thức cơ sở và kỹ năng cơ bản của những môn học năm thứ 1 vào việc ứng dụng để sản xuất sản phẩm truyền thông.	1	- Thảo luận, thực hành: 30 tiết (6 tiết/1 tuần - Tự học: 60 giờ	- Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 100%
39	Thực tập chuyên ngành	Học phần cung cấp cho sinh viên có cái nhìn chi tiết về nghề truyền thông, đồng thời sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, sinh viên không chỉ quan sát, lắng nghe để hiểu rõ hơn về lĩnh vực truyền thông mà còn vận dụng các kiến thức đã học để bắt tay vào thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thông tại cơ quan, đơn vị thực tập	3	- Thảo luận, thực hành: 90 tiết (6 tiết/1 tuần - Tự học: 60 giờ	- Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 100%
40	Tin học đại cương	Kiến thức: sinh viên đạt trình độ tin học gần tương đương chứng chỉ A theo chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo qui định. Kỹ năng - Làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. - Có kiến thức cơ bản về việc sử dụng máy tính dựa trên các phần học từ Windows, Winword, Excel, PowerPoint đến khả năng sử dụng internet. - Hiểu rõ cách thức hoạt động của máy tính. Nắm chắc qui trình làm việc và sử dụng máy đúng cách - Biết ứng dụng kiến thức đã học một cách tổng hợp để giải quyết tốt các bài tập và bài toán được giao	3	Lý thuyết: 30 tiết (5 tiết/ tuần) Kiểm tra, thực hành: 30 tiết (5 tiết/ tuần)	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ (2 đầu điểm): 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổng hợp sử dụng tin học như là công cụ phục vụ cho việc học tập trong chuyên ngành. Thái độ , chuyên cần: yêu cầu tham gia đủ số giờ lý thuyết. Tích cực tự học và rèn luyện kỹ năng làm việc trên máy tính			
41	Nhập môn TT đa phương tiện	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về truyền thông đa phương tiện bao gồm: khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển, vai trò, ứng dụng và ảnh hưởng của truyền thông đa phương tiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; Đặc trưng của truyền thông đa phương tiện (Kết hợp cùng lúc nhiều phương tiện chuyển tải, tính tức thời và phi định kỳ, khả năng tương tác cao, tính toàn cầu và tính cá thể hóa); Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện từ khâu xác định đề tài, hình thành ý tưởng, thu thập, khai thác và xử lý thông tin, xây dựng kịch bản cho “câu chuyện” đa phương tiện, sản xuất và truyền tải thông tin qua các phương tiện như ảnh, video, audio, thông tin đồ họa, các chương trình tương tác... , biên tập và xử lý dữ liệu bằng các phần mềm chuyên dụng, xuất bản lên hệ thống quản lý nội dung (CMS) hoặc mạng internet, tiếp nhận, theo dõi và xử lý phản hồi.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 4 tiết/1 tuần - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 50%
42	Dựng hình 3D cơ bản	Autodesk Maya là một trong những phần mềm vẽ 3D chuyên dụng phổ biến nhất hiện nay. Maya là phần mềm đồ họa ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực vẽ phim hoạt hình game 3D, video game, dựng phim, kỹ xảo phim điện ảnh, demo những đoạn phim quảng cáo.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
43	Biên tập Audio và Video	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống và kỹ thuật dựng phim trong sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, rèn kỹ năng dựng trên hệ thống dựng phi tuyến.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
44	Kỹ xảo đa phương tiện	Kỹ xảo là môn học cung cấp các kỹ thuật sáng tạo những hiệu ứng đặc biệt thú vị và đa dạng trên video. Nội dung môn học tập trung chủ yếu vào việc hướng dẫn cách tạo các hiệu ứng chuyên nghiệp, các kỹ xảo hay được sử dụng trong biên tập các bộ phim kỹ xảo, các quảng cáo truyền hình nhằm mục đích giúp người học đạt đến một trình độ cao hơn trong việc sản xuất và biên tập video, phim và có thể dựng và làm kỹ xảo cho các loại phim truyền hình, phóng sự, tài liệu, video clip ca nhạc, phim quảng cáo...	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
45	Cơ sở tạo hình	Học phần cung cấp cho các em kiến thức và kỹ năng về cách sử dụng phần mềm tin học Illustrator CC - nền tảng cơ sở để thực hiện và thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện chuyên nghiệp. Sử dụng thành thạo phần mềm này sẽ giúp các em sinh viên có thể tạo ra nhiều mọi thứ từ ảnh đồ họa, biểu tượng, văn bản đơn giản, cho tới các sản phẩm minh họa phức tạp, các sản phẩm thiết kế ứng dụng trong truyền thông như logo, poster, banner, standee...	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
46	Nguyên lý thị giác	Nguyên lý thị giác là những gì được đúc kết, quy nạp thành hệ thống của nhân loại về các quy luật thị giác, là công cụ nghiên cứu lý luận mỹ học, là công cụ sáng tạo cho tất cả các lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật thị giác như Hội họa, Điêu khắc, Kiến trúc, Nhiếp ảnh, Mỹ thuật ứng dụng và bao gồm cả Mỹ thuật đa phương tiện. Môn học Nguyên lý thị giác là những kiến thức nền tảng, cơ bản và tổng quan liên quan đến thị giác như: khái niệm, chức năng, lịch sử design của thị giác; những yếu tố ảnh hưởng đến nguyên lý thị giác và những định luật thị giác. Bên cạnh đó là những thành tố của thiết kế thị giác, nguyên lý thị giác, các phương pháp trong xây dựng và sắp xếp bố cục. Dựa trên những kiến thức tổng quan về thị giác, những định luật và nguyên lý thị	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giác sẽ là cơ sở để ứng dụng trong thiết kế bố cục nhằm tạo tính thẩm mỹ trong thiết kế sản phẩm. Phần cuối là phần ứng dụng các nguyên lý thị giác trong việc thiết kế các sản phẩm mỹ thuật đa phương tiện bằng một số bài tập thiết kế sản phẩm ứng dụng.			
47	Hình họa 1	Hình họa được coi như môn học nền tảng thiết yếu cho mọi hoạt động sáng tạo nghệ thuật như điêu khắc, hội họa, kiến trúc; ngay cả phim ảnh và nhiếp ảnh cũng sử dụng Hình họa như một phương tiện sơ khởi để nhận thức, hiểu, và phát triển các yếu tố cấu thành cho một dự án hoàn thiện. Môn học Hình Họa 1 (Hình họa cơ bản) thông qua các giờ thực hành đồng thời giảng dạy lý thuyết để giúp các sinh viên rèn luyện đôi mắt, học cách quan sát và phân tích thế giới xung quanh; cũng như có thể nắm bắt được khái niệm về chấm (điểm), đường (nét), từ các đường (nét) tạo thành hình, đậm nhạt và chất liệu. Từ những bài tập vẽ hình khối cơ bản đến bài vẽ hai hay ba khối, cho đến vẽ tĩnh vật, sinh viên sẽ dần dần rèn luyện cách bắt đầu một bài vẽ hình họa, xây dựng và thể hiện một mẫu vật ba chiều lên trên một mặt phẳng hai chiều, cách dàn xếp bố cục và cách so sánh các tỷ lệ của những vật thể trong không gian.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
48	Hình họa 2	Hình họa được coi như môn học nền tảng thiết yếu cho mọi hoạt động sáng tạo nghệ thuật như điêu khắc, hội họa, kiến trúc; ngay cả phim ảnh và nhiếp ảnh cũng sử dụng Hình họa như một phương tiện sơ khởi để nhận thức, hiểu, và phát triển các yếu tố cấu thành cho một dự án hoàn thiện. Dưới sự ảnh hưởng của xu thế hiện tại thì môn vẽ Hình họa cũng phải tự mình thay đổi, cập nhật để đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của thời đại công nghệ thông tin phát triển chóng mặt. Môn học Hình Họa 2 (Hình họa kỹ thuật số) là sự kết hợp giữa rèn luyện vẽ hình họa nghiên cứu cổ	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điền với những phương tiện công nghệ kỹ thuật số ở thời điểm hiện tại. Thông qua các giờ thực hành đồng thời giảng dạy lý thuyết để giúp các sinh viên rèn luyện đôi mắt, học cách quan sát và phân tích thế giới xung quanh; cũng như có thể nắm bắt được khái niệm về chấm (điểm), đường (nét), từ các đường (nét) tạo thành hình, đậm nhạt và chất liệu. Từ những bài tập vẽ tĩnh vật cơ bản đến bài vẽ chân dung trên máy tính, sinh viên sẽ được rèn luyện phương pháp xây dựng một bài vẽ hình họa, phác họa và hoàn thiện những ý tưởng của bản thân.			
49	Nhiếp ảnh	Giới thiệu khái quát những đặc trưng cơ bản về màu sắc, đường nét, sự tương phản trong khuôn hình Nhiếp ảnh; sơ lược về các thể loại ảnh như: Ảnh phong cảnh, ảnh chân dung, ảnh sinh hoạt, ảnh tĩnh vật, ảnh tin, ảnh phóng sự, ảnh liên hoàn, nhóm ảnh; sức mạnh của khoảnh khắc; nhận thức chủ quan và tính sáng tạo của người cầm máy, từ đó nêu bật lên được mối quan hệ giữa kỹ thuật và nghệ thuật, giữa nội dung và hình thức thể hiện trong một khuôn hình đặc trưng của nhiếp ảnh.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (3 tiết/1 tuần) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành):60%
50	Thiết kế thương hiệu và poster	Thiết kế nhận diện thương hiệu là một tập hợp các yếu tố hữu hình của thương hiệu (như tên gọi, logo, màu sắc, yếu tố đồ họa...), được tận dụng và kết hợp khéo léo với mục đích tạo dựng, duy trì một hình ảnh và tên tuổi để nhận biết giữa một thị trường thương hiệu đa quốc gia. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thiết kế nhận diện thương hiệu cũng như phân loại và ứng dụng một số sản phẩm thông dụng nằm trong hệ thống nhận diện thương hiệu như logo, bộ nhận diện văn phòng, poster.... Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Adobe Illustrator để hỗ trợ cho việc thiết kế và trình	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bày sản phẩm.			
51	Thiết kế dàn trang tạp chí	Dưới góc độ của thiết kế, báo hay tạp chí ở dạng xuất bản phẩm in ấn là một tập hợp gồm bài viết, hình ảnh minh họa được tổ chức và trình bày trên những trang giấy trải qua quá trình in ấn và gia công thành phẩm tạo thành một ấn phẩm không chỉ chứa đựng nội dung mang giá trị tri thức mà còn giá trị thẩm mỹ có tính ứng dụng thực tiễn. Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan đến lĩnh vực thiết kế dàn trang tạp chí, nguyên lý thiết kế và các quy phạm trình bày tạp chí. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Adobe InDesign để hỗ trợ cho việc thiết kế dàn trang ấn phẩm tạp chí.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
52	Thiết kế giao diện website	Thiết kế giao diện website là môn học cung cấp các kiến thức liên quan đến thiết kế trải nghiệm người dùng UX (UX – User Experience là thiết kế hiểu người dùng, cách người dùng tương tác với sản phẩm, cách để khiến người dùng truy cập và ở lại website nhiều hơn) và thiết kế giao diện người dùng UI (User Interface) trên website. Môn học sẽ cung cấp tới sinh viên những kiến thức tổng quát đến lĩnh vực thiết kế web, quy trình phát triển sản phẩm website, các kiến thức liên quan đến thông tin và quản lý thông tin trên website phù hợp với người dùng. Đặc biệt môn học này sẽ cung cấp các kiến thức nguyên lý thiết kế web, bao gồm các thành phần trong thiết kế giao diện và phương pháp thiết kế giao diện người dùng.	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (3 tiết/1 tuần - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành):60%
53	Thiết kế hoạt hình 2D	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quá trình hình thành, phát triển của phim hoạt hình qua từng thời kỳ lịch sử và các xu hướng phát triển. Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng phần mềm Illustrator để tạo ra màu sắc, thiết kế đối tượng, nhân	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vật, bối cảnh của phim hoạt hình. Từ đó chuyển qua phần mềm After effect chèn hiệu ứng âm thanh, hình ảnh, ánh sáng cho phim.			bài thực hành): 50%
54	Dựng hình 3D nâng cao	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về xây dựng các mô hình 3D, tạo và chỉnh sửa các kết cấu là những yếu tố góp phần vào tính thẩm mỹ của hình ảnh động. Hiểu kỹ thuật đặt ánh sáng để tạo ra hình ảnh chân thực. Thiết lập và hoạt hình nhân vật.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
55	Thiết kế hoạt hình 3D	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình sản xuất phim hoạt hình. Nhận biết các thuật ngữ sử dụng trong các phương tiện truyền thông trước khi sản xuất. Xác định tài liệu Tiền sản xuất, hiểu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch sáng tạo trong quá trình sản xuất.	3	- Lý thuyết: 30 tiết (4 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (4 tiết/1 tuần) - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thực hành): 50%
56	Thiết kế hình hiệu	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lên kịch bản, thiết kế, xây dựng logo, tiêu đề đoạn video, giới thiệu phim, sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ học cách xây dựng kịch bản, sử dụng phần mềm tạo các hiệu ứng cho đoạn video, phim đồng thời môn học mang tính khoa học logic hướng dẫn sinh viên vận dụng những thủ pháp tạo hình khác nhau để đưa ra nhiều giải pháp thiết kế, phát triển tư duy sáng tạo để các em sẽ tạo ra những sản phẩm phù hợp với từng yêu cầu cụ thể	2	- Lý thuyết: 15 tiết (3 tiết/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra, thực hành: 30 tiết (3 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ : 40% - Điểm thi kết thúc học phần (là bài thi viết): 50%
57	Thực tập tốt nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan và chi tiết về nghề, đồng thời sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế. Ngoài việc quan sát, lắng nghe để hiểu rõ hơn về lĩnh vực truyền thông, sinh viên còn được vận dụng các kiến thức đã học để bắt tay vào thiết kế các sản phẩm truyền thông tại cơ quan, đơn vị thực tập	5	- Thảo luận, thực hành: 150 tiết (6 tiết/1 tuần) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thi kết thúc học phần (là bài tiểu luận): 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Đồ án tốt nghiệp	Học phần là đồ án thực hiện sản phẩm truyền thông đa phương tiện có thể bao gồm một số sản phẩm sau: Clip quảng cáo, phim hoạt hình, sản phẩm báo chí, phim ngắn... cùng một quyển thuyết minh kế hoạch truyền thông, kịch bản của sản phẩm đó. Ngoài ra sinh viên sẽ bảo vệ, trình bày được các nội dung nêu trên trước Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp.	10	Thời gian: 5 tháng	- Điểm đồ án là điểm trung bình của Hội đồng chấm tốt nghiệp và Giảng viên hướng dẫn.
59	Tin học văn phòng	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đạt trình độ tin học gần tương đương chứng chỉ A theo chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo qui định. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. - Kỹ năng Microsoft Word để soạn thảo, xử lý và định dạng các loại tài liệu, văn bản, giấy tờ... từ đơn giản đến chuyên nghiệp. - Kỹ năng Microsoft Excel để tạo lập, tính toán các bảng tính nhằm ứng dụng trong việc xây dựng các biểu đồ, tính toán - Kỹ năng Microsoft Powerpoint trong thiết kế, định dạng các slide trình chiếu, phục vụ cho việc thuyết trình thêm thu hút hoặc gây ấn tượng với những bài trình chiếu súc tích, sáng tạo. <p>Thái độ: chuyên cần: yêu cầu tham gia đủ số giờ lý thuyết. Tích cực tự học và rèn luyện kỹ năng làm việc trên máy tính</p>	3	Lý thuyết: 30 tiết (5 tiết/ tuần) Kiểm tra, thực hành: 30 tiết (5 tiết/ tuần)	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ (2 đầu điểm): 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
60	PP nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và vận dụng vào nghiên cứu khoa học ở các lĩnh vực thuộc chuyên ngành. Một số kiến thức cơ bản như: Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học, các đặc điểm của nghiên cứu khoa học, các loại nghiên cứu khoa	3	Lý thuyết: 30 giờ (2 giờ/tuần) Thảo luận: 30 giờ (2 giờ/tuần) Tự học: 60 giờ	<ul style="list-style-type: none"> 1) Điểm chuyên cần và thái độ tích cực tham gia học tập trên lớp (10%); 2) Điểm làm bài tập nhóm trong thiết kế một đề cương nghiên cứu khoa học (20%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học, đạo đức nghiên cứu khoa học; các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu, xây dựng thuyết minh nghiên cứu, các phương pháp thu thập thông tin, quy trình xử lý dữ liệu và trình bày được kết quả nghiên cứu.			3) Điểm làm bài tập cá nhân (20%); 4) Điểm bài thi kết thúc môn học (50%).
61	PP nghiên cứu CTXH	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và vận dụng vào nghiên cứu khoa học ở các lĩnh vực thuộc chuyên ngành. Một số kiến thức cơ bản như: Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học, các đặc điểm của nghiên cứu khoa học, các loại nghiên cứu khoa học, đạo đức nghiên cứu khoa học; các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu, xây dựng thuyết minh nghiên cứu, các phương pháp thu thập thông tin, quy trình xử lý dữ liệu và trình bày được kết quả nghiên cứu.	3	Lý thuyết: 30 giờ (2 giờ/tuần) Thảo luận: 30 giờ (2 giờ/tuần) Tự học: 60 giờ	1) Điểm chuyên cần và thái độ tích cực tham gia học tập trên lớp (10%); 2) Điểm làm bài tập nhóm trong thiết kế một đề cương nghiên cứu khoa học (20%); 3) Điểm làm bài tập cá nhân (20%); 4) Điểm bài thi kết thúc môn học (50%).
62	Thực hiện đề tài NCKH	Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học vào nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành; thực hành các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu: xây dựng thuyết minh nghiên cứu, các phương pháp thu thập thông tin, quy trình xử lý dữ liệu, viết báo cáo nghiên cứu và trình bày được kết quả nghiên cứu.	3	Thực hiện đề tài trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 4. Nộp các sản phẩm vào tháng 4 hàng năm	Nếu kết quả đề tài được đánh giá đạt loại khá trở lên sẽ được xem xét để thay thế 1 môn học tự chọn
63	PP nghiên cứu Giới	1) Về kiến thức : Trình bày được khái niệm nghiên cứu khoa học, các đặc điểm của nghiên cứu khoa học và đặc điểm của nghiên cứu Giới, đạo đức trong nghiên cứu; Trình bày được quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin; Giải thích được cấu trúc của một đề cương nghiên cứu khoa học. 2) Về kỹ năng: Biết xây dựng đề cương nghiên cứu về một chủ đề liên quan đến giới, đặc biệt xác định được mục tiêu, nội dung nghiên cứu, biết lựa chọn phương pháp nghiên cứu, phương pháp thu thập thông tin phù	3	Lý thuyết: 30 giờ (2 giờ/tuần) Thảo luận: 30 giờ (2 giờ/tuần) Tự học: 60 giờ	1) Điểm chuyên cần, tham gia phát biểu trên lớp; 2) Điểm kiểm tra giữa kỳ; 3) Điểm thực hành theo nhóm (Xây dựng đề cương nghiên cứu); 4) Thi kết thúc học phần (tự luận); 5) Thang điểm đánh giá: thang điểm 10

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp với đề tài nghiên cứu; Vận dụng được phương pháp thu thập thông tin như: quan sát, phỏng vấn sâu, bảng hỏi, thảo luận nhóm... Ngoài ra, sử dụng được kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin vào đề tài nghiên cứu cụ thể. 3) Về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu trong công việc; Trung thực khi thực hiện tất cả các hoạt động ở từng giai đoạn nghiên cứu; Tích cực, chủ động tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học			
64	An sinh xã hội	Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên nhận thức an sinh xã hội là một môn khoa học; có hệ thống khái niệm và lý thuyết riêng; có quá trình hình thành và phát triển; quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
65	Chính sách xã hội	Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về vấn đề xã hội và chính sách xã hội như khái niệm vấn đề xã hội, chính sách xã hội, chức năng, yêu cầu, cơ cấu hệ thống chính sách xã hội, quy trình chính sách xã hội và chính sách xã hội trong các mối quan hệ. Đồng thời đề cập đến tổ chức thực hiện chính sách như: các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách, điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách, và nội dung của thực hiện chính sách; phân tích chính sách xã hội; một số chính sách xã hội cơ bản ở Việt Nam hiện nay.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
66	Nhập môn CTXH	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức như khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, phạm vi và các thành tố thực hành công tác xã hội và yêu cầu	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đòi hỏi một nhân viên xã hội chuyên nghiệp. Đồng thời cung cấp các cách tiếp cận và phương pháp trong công tác xã hội. Bên cạnh đó học phần bàn về lĩnh vực của công tác xã hội và hệ thống cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực công tác xã hội.		Tự học: 45 giờ	10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (1 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
67	Tham vấn cơ bản	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về tham vấn nói chung và kỹ năng tham vấn cơ bản nói riêng cho cá nhân, gia đình và nhóm như những khái niệm và quy định đạo đức nghề nghiệp của tham vấn và các cách tiếp cận lý thuyết, quy trình tham vấn, các kỹ năng và các kỹ thuật tham vấn với từng nhóm đối tượng riêng biệt như cá nhân, gia đình và nhóm.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
68	Thực hành CTXH 1	Đợt thực hành 1 được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở; phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội cá nhân vào giải quyết vấn đề của thân chủ tại cơ sở thực hành; phần cuối cùng sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành cá nhân theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi tổng kết, rút kinh nghiệm...	3	Hướng dẫn, trao đổi trên lớp: 5 giờ Thực hành tại cơ sở: 120 giờ (15 ngày) Tổng kết thực hành: 10 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm huấn viên cơ sở: 10% Nhật ký thực hành: 30% Báo cáo thực hành: 50%
69	Thực hành CTXH 2	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở; phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội nhóm vào giải quyết vấn đề của nhóm thân chủ tại cơ sở thực hành; phần cuối cùng sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành của	3	Hướng dẫn, trao đổi trên lớp: 5 giờ Thực hành tại cơ sở: 120 giờ (15 ngày) Tổng kết thực hành: 10 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm huấn viên cơ sở: 10% Nhật ký thực hành: 30% Báo cáo thực hành: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhóm và báo cáo trước lớp dưới sự hướng dẫn và đánh giá của giảng viên.			
70	Thực hành CTXH 3	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở; phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kiến thức, kỹ năng của phát triển cộng đồng vào giải quyết một vấn đề cụ thể tại cộng đồng; phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành và báo cáo trước lớp dưới sự hướng dẫn và đánh giá của giảng viên.	3	Hướng dẫn, trao đổi trên lớp: 5 giờ Thực hành tại cơ sở: 120 giờ (15 ngày) Tổng kết thực hành: 10 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm huấn viên cơ sở: 10% Điểm Nhật kí thực hành: 30% Điểm Báo cáo thực hành: 50%
71	Đạo đức nghề công tác xã hội	Học phần cung cấp các kiến thức như khái niệm, nguồn gốc, một số phạm trù cơ bản của đạo đức và đạo đức nghề công tác xã hội; giá trị và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội. Đồng thời học phần giới thiệu một số quy điều đạo đức nghề công tác xã hội ở một số nước trên thế giới và Quy điều đạo đức nghề công tác xã hội ở Việt Nam. Đồng thời bàn về trách nhiệm đạo đức của người làm công tác xã hội và đi sâu thực hành phân tích đạo đức nghề công tác xã hội với một số đối tượng đặc thù.	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
72	CTXH nhóm	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác xã hội nhóm như: Cơ sở khoa học hình thành phương pháp công tác xã hội nhóm; khái niệm, mục đích, các mô hình tiếp cận, loại hình nhóm công tác xã hội; những nền tảng lý luận (năng động nhóm, giai đoạn phát triển nhóm); tiến trình công tác xã hội nhóm. Hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng và các kỹ thuật tác nghiệp của người nhân viên xã hội trong tiến trình hỗ trợ nhóm đối tượng cũng như củng cố thái độ và đạo đức nghề nghiệp.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
73	Lý thuyết	Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng định	3	Lý thuyết: 45 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	CTXH	hướng cho hoạt động của nhân viên Công tác xã hội như: hệ thống các lý thuyết chung áp dụng cho các phương pháp CTXH, Công tác xã hội cá nhân; Công tác xã hội nhóm, Phát triển cộng đồng. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị các lý thuyết trong Quản trị Công tác xã hội để có cái nhìn bao quát về các vấn đề trong hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội.		Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
74	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về cộng đồng: vai trò cộng đồng, các yếu tố cấu thành cộng đồng, vấn đề cộng đồng; các kiến thức về phát triển cộng đồng: mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, tiến trình phát triển cộng đồng; các phương pháp sử dụng trong phát triển cộng đồng; các kiến thức liên quan đến dự án phát triển cộng đồng như xây dựng, tổ chức thực hiện dự án phát triển cộng đồng.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
75	CTXH cá nhân	Học phần Công tác xã hội cá nhân trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết của một Nhân viên xã hội khi làm việc với cá nhân. Các nội dung chính được nghiên cứu trong Học phần này là: Những vấn đề cơ bản của Công tác xã hội cá nhân bao gồm: Lịch sử hình thành, khái niệm, vị trí, các thành tố, chức năng, vai trò của Công tác xã hội cá nhân; Một số Quan điểm tiếp cận và mô hình sử dụng trong CTXH cá nhân; Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện Tiến trình Công tác xã hội cá nhân, đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng, kỹ thuật để tiến hành trợ giúp cá nhân vượt qua khó khăn, tự vươn lên giải quyết vấn đề của mình.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
76	Công tác xã hội gia đình	Học phần cung cấp những kiến thức về công tác xã hội với gia đình như: khái niệm, chức năng, phân loại gia đình; những lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình, các cách tiếp cận trong công tác xã	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội với gia đình. Môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng về tiến trình giải quyết vấn đề gia đình theo cấp độ nhu cầu, bao gồm: các cấp độ nhu cầu của gia đình, quản lý ca trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu, tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu, một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình.			- Điểm kiểm tra viết định kỳ (2 bài): 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
77	Quản trị ngành công tác xã hội	Học phần Quản trị ngành công tác xã hội cung cấp các kiến thức chung về quản trị công tác xã hội như: Khái niệm, mục đích, vai trò của quản trị công tác xã hội; yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc hành động và quy điều đạo đức của nhà quản trị công tác xã hội; Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức về quản trị công tác xã hội ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức; các kỹ năng cơ bản của nhà quản trị công tác xã hội.	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
78	Kiến tập CTXH	Học phần Kiến tập Công tác xã hội hướng dẫn cho sinh viên cách thức thâm nhập thực tế; phương pháp nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu về lĩnh vực An sinh xã hội và các hoạt động Công tác xã hội; bổ sung kiến thức thực tiễn, so sánh đối chiếu thực tiễn với lý thuyết đã học; phát hiện những khó khăn, bất cập trong việc thực thi các chính sách An sinh xã hội và hoạt động Công tác xã hội. Kết thúc học phần, sinh viên trình bày những kết quả thu thập được và nêu cảm nhận của bản thân về nghề Công tác xã hội qua bài thu hoạch.	2	Hướng dẫn, trao đổi trên lớp: 4 giờ Kiến tập tại cơ sở: 40 giờ (5 ngày) Viết thu hoạch và Tổng kết thực hành: 16 giờ (2 ngày)	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
79	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về cộng đồng: vai trò cộng đồng, các yếu tố cấu thành cộng đồng, vấn đề cộng đồng; các kiến thức về phát triển cộng đồng: mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, tiến trình phát triển cộng đồng; các phương pháp sử dụng trong phát triển cộng đồng; các kiến thức liên quan đến dự án phát triển cộng đồng.	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 15 giờ Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
80	CTXH với trẻ em có HCĐB	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (như khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân, hậu quả, khó khăn và nhu cầu của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt); về công tác xã hội với trẻ em CHCĐB và các quy định luật pháp quốc tế và Việt Nam về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Các mô hình, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: Kỹ năng quản lý trường hợp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng làm việc với cộng đồng về trẻ em CHCĐB	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành). - Tự học: 45 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
81	CTXH với người cao tuổi	Học phần cung cấp các thông tin, kiến thức, kỹ năng cơ bản về người cao tuổi (tình hình người cao tuổi trên thế giới và ở Việt Nam; đặc điểm, nhu cầu và những vấn đề của người cao tuổi); Những kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người cao tuổi, đồng thời hướng dẫn người học thực hành tốt các bước trong tiến trình và kỹ năng làm việc với người cao tuổi tại các cơ sở Nuôi dưỡng chăm sóc NCT, tại gia đình và cộng đồng; từ khâu đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, kết nối mạng lưới, vận động nguồn lực đến việc cung cấp các dịch vụ và giám sát thực hiện các chính sách đối với người cao tuổi.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành).G32:I32 - Tự học: 45 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
82	CTXH với người khuyết tật	Học phần CTXH với người khuyết tật trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về người khuyết tật, và CTXH với người khuyết tật, bao gồm các khái niệm có liên quan đến khuyết tật, các dạng khuyết tật, sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật, ảnh hưởng của khuyết tật đối với gia đình và bản thân người khuyết tật; các chính sách đối với người khuyết tật; Khái niệm, mục đích của Công tác xã hội với người khuyết tật, các hướng tiếp cận với NKT; vai trò của nhân viên xã hội trong CTXH với người	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 giờ thảo luận nhóm hoặc bài tập tình huống, thực hành). - Tự học: 45 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 20%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khuyết tật... Ngoài ra, học phần còn cung cấp các thông tin về các mô hình trợ giúp NKT trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc với người khuyết tật ở góc độ cá nhân, nhóm, gia đình và cộng đồng.			
83	CTXH với nạn nhân bị mua bán	Học phần Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong trợ giúp đối tượng là nạn nhân bị mua bán, bao gồm: các kiến thức chung về mua bán người và công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán; hệ thống luật pháp chính sách và các chương trình, mô hình hỗ trợ nạn nhân; các kỹ năng và phương pháp trong việc trợ giúp nạn nhân mua bán người.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoawch bài tập thực hành).G32:I32 - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
84	CTXH với người nghiện ma túy	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về ma túy và nghiện ma túy; Công tác xã hội trong phòng chống ma túy và hỗ trợ người điều trị nghiện ma túy. Ngoài ra, học phần còn khái quát luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma túy và các mô hình cai nghiện; cung cấp các kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong Công tác xã hội với người nghiện ma túy.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần G3802 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập, thực hành).H36 - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
85	CTXH với phòng, chống bạo lực gia đình	Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Công tác xã hội những thông tin, kiến thức cơ bản về BLGD; căn cứ pháp lý và các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình ở Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công tác xã hội trong phòng, chống BLGD; những hiểu biết cần thiết về nạn nhân Bạo lực gia đình; về người có hành vi bạo lực gia đình và trẻ em trong các gia đình có bạo lực; Học phần còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả với các thân chủ của mình trong lĩnh vực phòng, chống BLGD, giúp sinh viên chủ động, tích cực, tự tin hơn khi hoạt động trong lĩnh vực này.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoawch bài tập thực hành).G32:I32 - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
86	CTXH trong CSSK tâm thần	Học phân cung cấp cho sinh viên ngành Công tác xã hội những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần; cơ sở pháp lý và các hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần ở Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần; Những hiểu biết cần thiết về người bệnh tâm thần; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả với người bệnh tâm thần.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành).G32:I32 - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
87	CTXH trong trường học	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về CTXH trong trường học, trang bị cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận về CTXH trường học, xác định những vấn đề cơ bản nảy sinh trong trường học, từ đó đưa ra những công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm thân chủ là người học khác nhau, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả, trong đó nhấn mạnh đến các kỹ năng như quan sát, đánh giá vấn đề, tham vấn, can thiệp khủng hoảng... giúp sinh viên có thể chủ động, tự tin khi thực hành nghề nghiệp trong các trường học.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
88	CTXH với người bị nhiễm HIV	Nội dung học phân bao gồm những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS, tình hình HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam, khó khăn, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; luật pháp, chính sách của Việt Nam trong phòng chống HIV/AIDS, các chương trình hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS ở Việt Nam. Học phân còn trang bị cho người học các kỹ năng thực hành CTXH với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS nhằm giúp họ thực hiện tốt các chức năng xã hội; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, giảm tác hại của HIV/AIDS, hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ học tập; thảo luận trên lớp, đi học chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
89	CTXH trong bệnh viện	Học phần cung cấp cho sinh viên ngành công tác xã hội hệ thống kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong bệnh viện, cơ sở pháp lý và mô hình công tác xã hội trong bệnh viện trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên áp dụng kiến thức và kỹ năng công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe với các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	3	- Lý thuyết: 45 giờ (03 giờ/tuần). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (mỗi tuần 02 tiết thảo luận nhóm hoặc bài tập thực hành). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên (đánh giá nhận thức, thái độ học tập; thảo luận trên lớp, đi học chuyên cần, làm bài tập ở nhà): 15%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 25%. - Thi kết thúc học phần (tự luận): 60%.
90	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần tập trung vào việc hình thành khả năng ứng dụng các kiến thức của sinh viên để hình thành các kỹ năng làm việc với thân chủ là cá nhân, nhóm, cộng đồng thông qua việc tiếp cận, thu thập thông tin, xác định vấn đề và nhu cầu, xây dựng kế hoạch can thiệp và các hoạt động nâng cao năng lực cho các hệ thống thân chủ, hệ thống đích và các hệ thống hành động có liên quan. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã được trang bị tại nhà trường để tìm hiểu về chương trình, chính sách an sinh, việc thực thi các chương trình chính sách cụ thể tại cơ sở thực tập. Trên cơ sở vận dụng các kiến thức vào thực hành nghề nghiệp, sinh viên đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho các nhà thực hành, hoạch định chính sách và các đối tác có liên quan tới đào tạo để thúc đẩy hơn công tác đào tạo cũng như phát triển các chính sách và dịch vụ an sinh ngày càng tốt hơn.	6	Hướng dẫn thực tập tại cơ sở đào tạo: 10 giờ Thực tập tại các cơ sở: 480 giờ Viết báo cáo thực tập: 30 giờ	1. Khoa Công tác xã hội, Học viện phụ nữ Việt Nam, (2016), Quy trình thực tập tốt nghiệp của Học viện phụ nữ Việt Nam 2. Khoa Công tác xã hội, Học viện phụ nữ Việt Nam, (2014), Mẫu đăng ký thực tập tốt nghiệp của sinh viên; Mẫu Kế hoạch thực tập tốt nghiệp cá nhân; Đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp; Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp (do giáo viên hướng dẫn và kiểm huấn viên thực hiện).
91	Xã hội học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai một nghiên cứu xã hội học.	2	Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận/thực hành: 15 tiết	Điểm chuyên cần 10%; Điểm kiểm tra lần 1: 15%; Điểm kiểm tra lần 2: 15%; Thi kết thúc học phần (Thi trắc nghiệm): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
92	Dân số và phát triển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: tổng quan về dân số, mối quan hệ giữa dân số và phát triển trên các lĩnh vực như: kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường...	2	Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận/Thực hành: 15 tiết	Điểm chuyên cần 10%; Điểm kiểm tra lần 1: 15%; Điểm kiểm tra lần 2: 15%; Thi kết thúc học phần (Thi tự luận): 60%.
93	Sức khỏe cộng đồng	Nêu được các khái niệm liên quan đến sức khỏe cộng đồng; các quan điểm, chính sách về chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; một số vấn đề về sức khỏe cộng đồng hiện nay. - Nhận biết được các hành vi có nguy cơ và những nguy cơ về sức khỏe tại cộng đồng - Phân tích được hoạt động của tuyến y tế cơ sở và nhân viên y tế cộng đồng, hoạt động truyền thông nâng cao sức khỏe cộng đồng...	2	Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận/Thực hành: 15 tiết	Điểm chuyên cần 10%; Điểm kiểm tra định kỳ: 30%; Thi kết thúc học phần (Thi tự luận): 60%.
94	Lý thuyết phát triển xã hội	Hiểu biết chung về các lý thuyết phát triển hiện đại và các mô hình phát triển, các quan điểm của Đảng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển. Có khả năng vận dụng và phân tích lý thuyết phát triển hiện đại vào trường hợp của Việt Nam, rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	3	Lý thuyết 45h Thực hành: 15h	Điểm chuyên cần: 5% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 35% Điểm cuối kỳ: 60%
95	Nhập môn Giới và Phát triển	Sinh viên có kiến thức chung về Giới và phát triển, các khái niệm và vấn đề Giới và phát triển được cập nhật. Sinh viên nhận diện được hệ thống pháp lý và bộ máy thực thi Bình đẳng giới tại Việt Nam. Sinh viên có khả năng thu thập thông tin và phân tích thực trạng bình đẳng giới trong các lĩnh vực phát triển.	3	Lý thuyết 45h Thực hành: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
96	Phụ nữ học	Môn học giúp sinh viên hiểu được lịch sử ra đời và phát triển của phụ nữ học, mối quan hệ giữa phụ nữ học với khoa học giới và các ngành khác. Trình bày và hiểu rõ các lý thuyết nữ quyền, làn sóng nữ quyền. Trình bày được những nét cơ bản của phong trào phụ nữ thế giới, các thông điệp bảo vệ và trao quyền cho	3	Lý thuyết 45h Thực hành: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 35% Điểm cuối kỳ: 55%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phụ nữ thông qua các kỳ đại hội phụ nữ thế giới. Phân tích được những đóng góp của phụ nữ cho quá trình phát triển			
97	Phân tích giới	Sinh viên hiểu và áp dụng được các nguyên tắc phân tích giới, các bước phân tích giới cơ bản, các công cụ phân tích giới để phân tích giới các vấn đề cụ thể, xác định được nguyên nhân và đề ra các giải pháp giải quyết vấn đề giới.	3	Lý thuyết: 40h Thực hành: 20h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
98	Lồng ghép giới	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Lồng ghép giới. Giúp sinh viên nắm được các bước Lồng ghép giới, quy trình Lồng ghép giới, áp dụng được các kiến thức, kỹ năng để Lồng ghép giới để Lồng ghép giới một số hoạt động cụ thể, một số lĩnh vực cụ thể.	3	Lý thuyết 30h Thực hành: 30h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
99	Đánh giá tác động giới	Hiểu chung về đánh giá tác động giới và đánh giá tác động xã hội. Trao đổi thảo luận đánh giá tác động giới trong một số lĩnh vực vấn đề. Có khả năng đánh giá tác động giới và xã hội một vấn đề/ dự án cụ thể.	3	Lý thuyết 30h Thực hành: 30h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
100	KN tuyên truyền vận động giới	Mục đích môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về Lập Kế hoạch tuyên truyền, vận động giới. Từ đó, trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tuyên truyền, vận động giới trực tiếp hoặc gián tiếp theo các hình thức phù hợp.	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết - Tự học: 60 giờ.	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
101	KN xây dựng và QL dự án PT	Mục đích môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dự án, dự án phát triển, xây dựng và quản lý dự án phát triển. Cung cấp cho sinh viên các công cụ xây dựng, quản lý dự án phát triển. Hướng dẫn cho sinh viên cách thức xây dựng, phân tích, tổ chức, quản lý, thẩm định dự án phát triển. Hướng dẫn sinh viên cách huy động các nguồn lực. Viết đề xuất dự án. Kỹ năng làm việc trong các chương trình, dự án phát triển.	2	Lý thuyết: 30 tiết Thảo luận, thực hành: 15 tiết	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
102	TH phân tích, lồng	Môn học giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tiễn trong phân tích và lồng ghép giới. Sinh viên có	3	Hướng dẫn kỹ thuyết: 10h; Thảo luận, thực hành, đi	Điểm chuyên cần, kế hoạch tổ chức thực hành, nhật ký thực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ghép giới	thể tự xác định được các vấn đề giới cần phân tích và lồng ghép nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu bình đẳng giới trong các chính sách, kế hoạch, chương trình/dự án/hoạt động thực tiễn.		thực tế: 40h; Báo cáo thực hành: 10h;	hành: 20%. Kết quả thực hành: 30%. Đánh giá của giảng viên hướng dẫn: 10%. Kết quả thực hành theo nhóm: 40%
103	TH tuyên truyền vận động giới	Mục đích môn học giúp sinh viên có khả năng xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, vận động theo chủ đề mà tổ chức thực hiện Kế hoạch đó. Sinh viên phải tạo ra những sản phẩm truyền thông, vận động để báo cáo cuối đợt thực hành theo từng chủ đề, lĩnh vực đã lựa chọn trước đó. Thông qua đó, rèn luyện các kỹ năng tuyên truyền, vận động trực tiếp và gián tiếp.	2	- Lý thuyết: 10 tiết - Lập Kế hoạch thực hành và tiến hành thực hành tuyên truyền, vận động: 90 tiết - Báo cáo kết quả thực hành : 10 tiết.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kế hoạch tổ chức thực hành và nhật ký : 20%. - Điểm báo cáo kết quả thực hành (Có sản phẩm tuyên truyền, vận động): 60%.
104	Giới và Phát triển (dành cho sinh viên ngành Quản trị du lịch và lữ hành)	Mục đích giúp sinh viên ngành Quản trị du lịch và lữ hành có những kiến thức cơ bản về Giới và phát triển, cơ bản phân tích giới và phát hiện vấn đề giới trong lĩnh vực quản trị du lịch và lữ hành	2	Lý thuyết: 30h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
105	Giới và Phát triển	Mục đích giúp sinh viên ngành Công tác xã hội và Luật có những kiến thức cơ bản về Giới và phát triển, cơ bản phân tích giới và phát hiện vấn đề giới trong lĩnh vực quản trị du lịch và lữ hành	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
106	Giới trong Chính trị	Môn học cung cấp cho sinh viên khung khái niệm và cơ sở lý thuyết căn bản mang tính liên ngành để có thể nhìn nhận và phân tích đánh giá các hiện thực phong phú đa dạng của vấn đề giới trong chính trị. Giúp sinh viên làm quen với việc rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu căn bản để có thể tiến hành nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu độc lập về những đề tài liên quan đến giới trong chính trị, đặc biệt là ở Việt Nam.	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
107	Giới trong Chính sách công	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chính sách công, mối quan hệ của giới và chính sách công và vấn đề giới trong chính sách công. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá, lồng ghép và đánh giá vấn đề giới trong chính sách công.	3	Lý thuyết: 35h Thực hành + kiểm tra: 25h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 35% Điểm cuối kỳ: 55%
108	Giới và An sinh xã hội	Mục đích của môn học giúp sinh viên hiểu được, trình bày được lịch sử phát triển của hoạt động ASXH tại Việt Nam, các nội dung quan trọng của chính sách ASXH hiện hành. Giải thích được thực trạng ASXH và nội dung các chính sách ASXH của Việt Nam. Phát hiện và phân tích các vấn đề giới trong các trụ cột an sinh. Đưa ra được các giải pháp giải quyết các vấn đề giới đó.	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
109	Giới trong Giáo dục và ĐT	Mục đích của môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giới trong lĩnh vực giáo dục. Có kỹ năng nhận diện các định kiến giới, khuôn mẫu giới, các vấn đề giới trong ngành giáo dục. Áp dụng được kỹ năng phân tích giới, lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, kỹ năng truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
110	Giới trong Dân số và GD	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Giới trong Dân số và gia đình. Mục đích giúp sinh viên chuyên ngành Giới và phát triển nhận diện vấn đề giới trong dân số và gia đình, phân tích giới trong lĩnh vực dân số và gia đình	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
111	Giới và môi trường	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Giới và Môi trường. Mục đích giúp sinh viên chuyên ngành Giới và phát triển phát hiện vấn đề giới và phân tích giới, lồng ghép giới trong môi trường. Sinh viên nhận diện và phân tích vấn đề giới trong môi trường dưới lăng kính giới và phát triển hoặc lăng kính nữ quyền	3	Lý thuyết: 40h Thực hành, thảo luận, kiểm tra đánh giá: 20h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
112	Giới và truyền thông đại chúng	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giới trong truyền thông đại chúng. Phân tích được vấn đề giới trong truyền thông đại chúng hiện nay. Biết cách lồng ghép giới và có nhạy cảm giới trong truyền thông trên phương tiện truyền thông đại chúng. Nắm được các mô hình truyền thông thúc đẩy BDG. Có kỹ năng phân tích, lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông...	3	Lý thuyết: 40h Thực hành, thảo luận, kiểm tra đánh giá: 20h	Điểm chuyên cần: 5% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 35% Điểm cuối kỳ: 60%
113	Giới trong chăm sóc sức khỏe	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Giới trong chăm sóc sức khỏe, chính sách luật pháp, lý thuyết cơ bản và các yếu tố ảnh hưởng. Mục đích giúp sinh viên chuyên ngành Giới và phát triển phát hiện vấn đề giới, phân tích giới trong chăm sóc sức khỏe.	3	Lý thuyết: 38h Thực hành, thảo luận, kiểm tra đánh giá: 22h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 60%
114	Giới và PT nông thôn bền vững	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Giới và Phát triển nông thôn bền vững, khung chính sách pháp luật liên quan. Mục đích giúp sinh viên chuyên ngành Giới và phát triển nhận diện vấn đề giới trong phát triển nông thôn bền vững, phân tích giới - lồng ghép giới trong phát triển nông thôn bền vững	3	Lý thuyết: 45h Thảo luận, thực hành: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
115	Giới, văn hóa và PT con người	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn hóa từ góc độ giới. Môn học giúp sinh viên hình thành được kỹ năng phát hiện và xác định (1) mối tương quan giữa giới và văn hóa, sự hình thành các giá trị giới, khuôn mẫu giới từ tác động của môi trường, văn hóa; xác định nguồn gốc, cội rễ của việc hình thành các khuôn mẫu giới, giá trị giới; (2) xác định được đóng góp của văn hóa và bình đẳng giới đối với phát triển bền vững; (3) xác định được các vấn đề phát sinh liên quan tới văn hóa và bình đẳng giới trong quá trình phát triển.	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
116	Giới trong KH và công nghệ	Hiểu biết chung về khoa học công nghệ, mối quan hệ giữa giới và khoa học công nghệ. Mục đích giúp sinh viên chuyên ngành Giới và phát triển nhận diện	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn đề giới trong khoa học công nghệ, phân tích giới - lồng ghép giới trong khoa học công nghệ			
117	PC bạo lực trên cơ sở giới	Hiểu biết chung về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, các hình thức, nguyên nhân và hậu quả cũng như giải pháp phòng chống. Mục đích giúp sinh viên ngành Giới và phát triển phân tích giới các hình thức bạo lực trên cơ sở giới.	3	Lý thuyết: 45h Thực hành + kiểm tra: 15h	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận, giữa kỳ: 40% Điểm cuối kỳ: 50%
118	Nghiệp vụ CTPN 1	Mục đích môn học cung cấp: Một số vấn đề chung về phụ nữ và công tác phụ nữ gồm các nội dung: Khái quát chung về phụ nữ, công tác phụ nữ; phong trào phụ nữ ở Việt Nam; Quan điểm của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới gồm các nội dung: Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác phụ nữ; Quyền và nghĩa vụ của phụ nữ trong pháp luật Việt Nam; Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới; Các tổ chức phụ nữ trên thế giới và tổ chức Hội LHPN Việt Nam gồm các nội dung cụ thể như: Giới thiệu tên, chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức phụ nữ trên thế giới; Vị trí pháp lý; Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội; Hệ thống tổ chức; Tham gia quản lý nhà nước và một số nghiệp vụ xây dựng và phát triển tổ chức Hội (Tổ chức bộ máy; Công tác cán bộ nữ và xây dựng đội ngũ lãnh đạo nữ; Đối ngoại nhân dân, hợp tác quốc tế).	2	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 50%.
119	Nghiệp vụ CTPN 2	Mục đích môn học : Tuyên truyền, vận động phụ nữ phát triển toàn diện; Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ; Giám sát và phản biện xã hội về luật pháp- chính sách có liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới.	2	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
120	Truyền thông và vận động XH	Học phần này cung cấp cho sinh viên 3 chương: Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về truyền thông và vận động xã hội gồm khái niệm, mục đích truyền thông, vận động xã hội; phương pháp truyền thông và chu trình vận động xã hội; Chương 2: Các công cụ - kỹ năng truyền thông và vận động xã hội gồm công cụ - kỹ năng truyền thông và công cụ - kỹ năng vận động xã hội; Chương 3: Thực hành và trình diễn kế hoạch/dự án về truyền thông và vận động xã hội gồm các bước xây dựng, thực hành bảo vệ thành công để đảm bảo KH/dự án truyền thông và vận động xã hội có tính khả thi.	2	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
121	Tổ chức HĐ văn hóa quần chúng	Học phần này cung cấp cho sinh viên 2 chương: Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng như khái niệm, vai trò, nguyên tắc, hoạt động của văn hóa quần chúng, Quan điểm của Đảng về văn hóa quần chúng, Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước và phương châm, phương pháp tổ chức văn hóa quần chúng; Chương 2: Cách thức tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng ở cơ sở như Tuyên truyền, cổ động, nhà văn hóa, giáo dục truyền thống, tổ chức thư viện, lễ hội truyền thống, hội thi, hội diễn, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa	2	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
122	Truyền thông và lịch sử PTPN	Môn học cung cấp: Những sự kiện lịch sử, những kiến thức về truyền thông tốt đẹp, những đóng góp to lớn và quan trọng của của các thế hệ phụ nữ Việt Nam. Tái hiện trung thực sự hình thành và phát triển của các phong trào của phụ nữ và tổ chức hội LHPN Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ và tay sai. Phong trào phụ nữ và vai trò của Hội LHPN Việt Nam thời kỳ cả nước tiên hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước và thời kỳ công nghiệp hóa- hiện đại hóa, hội nhập quốc tế (từ 1976 đến nay)	2	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
123	Nghiệp vụ CTPN 1	Mục đích môn học cung cấp: Một số vấn đề chung về phụ nữ và công tác phụ nữ gồm các nội dung: Khái quát chung về phụ nữ, công tác phụ nữ; phong trào phụ nữ ở Việt Nam; Quan điểm của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới gồm các nội dung: Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác phụ nữ; Quyền và nghĩa vụ của phụ nữ trong pháp luật Việt Nam; Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới; Các tổ chức phụ nữ trên thế giới và tổ chức Hội LHPN Việt Nam gồm các nội dung cụ thể như: Giới thiệu tên, chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức phụ nữ trên thế giới; Vị trí pháp lý; Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội; Hệ thống tổ chức; Tham gia quản lý nhà nước và một số nghiệp vụ xây dựng và phát triển tổ chức Hội (Tổ chức bộ máy; Công tác cán bộ nữ và xây dựng đội ngũ lãnh đạo nữ; Đối ngoại nhân dân, hợp tác quốc tế).	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 60 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 20%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần: 50%.
124	Nghiệp vụ CTPN 2	Mục đích môn học : Tuyên truyền, vận động phụ nữ phát triển toàn diện; Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ; Giám sát và phản biện xã hội về luật pháp- chính sách có liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 60 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 90 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
125	Luật dân sự Việt Nam (HP1)	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về luật dân sự, xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật dân sự, những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; xác	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 45 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 giờ (tổng sinh viên học 04 tiết giảng / 1 tuần lễ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 30% - Điểm bài tập nhóm: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		định được các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, khái niệm, điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lí của giao dịch dân sự vô hiệu; xác định được thời hạn, thời hiệu; hiểu được những vấn đề pháp lí liên quan đến đại diện, khái niệm, phân loại tài sản; nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu, các quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.		- Tự học: 60 giờ.	
126	Luật dân sự Việt Nam (HP2)	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; khái niệm, đặc điểm các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; khái niệm hợp đồng dân sự, hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; cách phân loại hợp đồng dân sự và nội dung cơ bản của các hợp đồng dân sự cụ thể; được khái niệm, điều kiện phát sinh, nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.	3	- Lý thuyết: 45 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 giờ (tổng sinh viên học 04 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 30% - Điểm bài tập nhóm: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.
127	Luật thương mại 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân, khái quát kiến thức chung về luật thương mại, quy chế pháp lý về tổ chức thành lập doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức pháp lý về từng loại hình công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cuối cùng học phần cung cấp sinh viên những quy định về phá sản và pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	3	Lý thuyết: 45 giờ Kiểm tra/đánh giá: 2 giờ Thảo luận thực hành 13 giờ; Tự học: 60 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra định kỳ (tuần 8): 30% Điểm bài tập nhóm: 10% Điểm thi cuối kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
128	Luật thương mại 2	Luật thương mại 2 cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Đó là những kiến thức về những hoạt động thương mại do thương nhân tiến hành: hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác...Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án. Đó là những hiểu biết về trọng tài thương mại, bản chất, các hình thức của tổ tụng trọng tài, ưu điểm và hạn chế của hình thức tổ tụng này.	3	Lý thuyết: 45 giờ Kiểm tra/đánh giá: 2 giờ Thảo luận thực hành 13 giờ; Tự học: 60 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra định kỳ (tuần 8): 30% Điểm bài tập nhóm: 10% Điểm thi cuối kỳ: 50%
129	Pháp luật tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Trong nội dung pháp luật về ngân sách nhà nước, người học sẽ được cung cấp các kiến thức về ngân sách, pháp luật về ngân sách nhà nước, được tìm hiểu các vấn đề quan trọng của pháp luật ngân sách nhà nước như: chấp hành và quyết toán ngân sách, tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước, tìm hiểu về vị trí, vai trò của kho bạc nhà nước...Đối với vấn đề về thuế và pháp luật về thuế, người học được cung cấp những nội dung rất gần gũi và quan trọng: thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...Cuối cùng người học sẽ được trang bị những kiến thức về pháp luật xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực luật tài chính.	3	Lý thuyết: 45 giờ Kiểm tra/đánh giá: 2 giờ Thảo luận thực hành 13 giờ; Tự học: 60 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra định kỳ (tuần 8): 30% Điểm bài tập nhóm: 10% Điểm thi cuối kỳ: 50%
130	Luật sở hữu trí tuệ	Học phần cung cấp cho người học được kiến thức về hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến sở hữu trí tuệ (SHTT); đối tượng và đặc trưng cơ bản các đối tượng của quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng); các căn cứ xác lập,	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành, kiểm tra, đánh giá: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần (Thi viết):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chấm dứt quyền SHTT; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT...; các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền SHTT; các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.			60%.
131	Luật đầu tư	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường. Từ cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư; Triển khai dự án đầu tư; Các quy định về biện pháp đảm bảo; Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt đến Nội quy định pháp luật về đầu tư ra nước ngoài.	2	- Lý thuyết: 30 giờ (02 tiết giảng/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra đánh giá: 15 giờ (01 tiết thảo luận nhóm/1 tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
132	Luật an sinh xã hội	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về luật an sinh xã hội và đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội gồm: Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế, Chế độ ưu đãi xã hội; Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.	2	- Lý thuyết: 30 giờ (02 tiết giảng/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra đánh giá: 15 giờ (01 tiết thảo luận nhóm/1 tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
133	Luật ngân hàng	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật ngân hàng, gồm: Những khái niệm cơ bản trong lĩnh vực ngân hàng; Bản chất, đặc thù trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng và Quy định pháp luật về lĩnh vực ngân hàng.	2	- Lý thuyết: 30 giờ (02 tiết giảng/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra đánh giá: 15 giờ (01 tiết thảo luận nhóm/1 tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.
134	Pháp luật môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật môi trường như: khái niệm, bản chất, đặc thù của môi trường, bảo vệ môi trường, luật môi trường; các hình thức pháp lý và bản chất các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường; quy định về bảo tồn đa dạng sinh học. Bên cạnh đó còn cung cấp cho người học kiến thức chung về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM); pháp luật bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; các hình thức xử lý vi phạm pháp luật môi trường và ; đưa ra được các hướng giải quyết các tranh chấp môi trường.	2	- Lý thuyết: 30 giờ (02 tiết giảng/1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra đánh giá: 15 giờ (01 tiết thảo luận nhóm/1 tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
135	CD thực hành chuyên ngành PLKT	Học phần giúp sinh viên đóng vai thực hành những tình huống pháp lý kinh tế có thật, dựa theo các hồ sơ vụ án kinh tế, trên cơ sở sự hướng dẫn của các luật sư, chuyên gia nghề luật.	3	Tự nghiên cứu hồ sơ: 8 giờ Hướng dẫn thực hành 8 giờ; Thực hành: 28 giờ Kiểm tra/đánh giá: 6 giờ	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập nhóm: 30% Điểm thực hành cuối kỳ: 60%
136	Luật tố tụng dân sự VN	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; khái niệm, đặc điểm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; khái niệm, ý nghĩa và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự ; Hiểu được loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, phân định được thẩm quyền xét xử giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ; vị trí, vai trò và địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng, khái niệm, đặc tính, nguồn chứng cứ; khái niệm chứng minh, chủ thể chứng minh, những tình tiết sự kiện không phải chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể; các loại án phí, lệ phí và căn cứ xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng, các trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.	3	- Lý thuyết: 38 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 22 giờ (tổng sinh viên học 04 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
137	Luật hành chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các	4	Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết giảng /1tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 28 tiết (2 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ; kiểm tra 2 bài) - Tự học: 90 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập, chuẩn bị bài ở nhà: 10% Điểm kiểm tra định kỳ lần 1 (tuần 5): 20% Điểm kiểm tra định kỳ lần 2 (tuần 10): 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tố tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình.			Thi kết thúc học phần Thi viết (120 phút) 50%
138	Xây dựng văn bản PL	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; khái niệm, đặc điểm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; khái niệm, ý nghĩa và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự ; Hiểu được loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, phân định được thẩm quyền xét xử giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ; vị trí, vai trò và địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng, khái niệm, đặc tính, nguồn chứng cứ; khái niệm chứng minh, chủ thể chứng minh, những tình tiết sự kiện không phải chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể; các loại án phí, lệ phí và căn cứ xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng, các trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.	2	- Lý thuyết: 25 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 20 giờ (tổng sinh viên học 03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
139	Luật hình sự 1	. Luật hình sự 1 Phần chung là môn khoa học chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp những nội dung cơ bản về tội phạm, dấu hiệu cấu thành tội phạm; về trách nhiệm hình sự, hình phạt và trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự;	3	Lý thuyết: 45 giờ - Thảo luận, thực hành: 29 giờ + Kiểm tra/ đánh giá: 1 bài	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bbài ở nhà 1 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Sinh viên sẽ được biết những kiến thức về nguồn của luật hình sự Việt Nam; Ngoài ra còn cung cấp một số vấn đề lý luận chung về định tội danh và quyết định hình phạt; trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội... với mục tiêu cung cấp những nguyên tắc cơ bản và các kỹ năng áp dụng các tri thức tổng hợp về luật hình sự trong cuộc sống và trong công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm sau này.		+ Tự học: 75 giờ	60 phút Bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm 1 bài 10% Thi kết thúc học phần 1 bài 60% Thi viết (90 phút)
140	Luật hình sự 2	Luật hình sự 2 là học phần các tội phạm; cung cấp khái niệm và dấu hiệu pháp lý của từng loại tội, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản giúp nhận diện tội phạm, áp dụng kiến thức đã học để xây dựng căn cứ định tội danh; Đối với từng loại tội phạm cụ thể có những dấu hiệu đặc trưng để làm căn cứ xây dựng khung hình phạt theo quy định của pháp luật. Học phần bao gồm những nội dung cụ thể về: Các tội xâm phạm sở hữu, quyền tự do của con người, chế độ hôn nhân gia đình, trật tự quản lý về kinh tế, về môi trường, về ma túy, về trật tự an toàn công cộng, về hoạt động tư pháp, tội phạm về chức vụ, tội phạm về an ninh quốc gia.... giúp sinh viên nâng cao trình độ nhận thức về tội phạm, có thể thực hiện công việc chuyên môn một cách khoa học gắn với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội hiện nay.	3	Lý thuyết: 45 giờ + Thảo luận, thực hành: 29 giờ + Kiểm tra/ đánh giá: 1 bài + Tự học: 75 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10% Điểm kiểm tra định kỳ 1 bài 20% 60 phút Bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm 1 bài 10% Thi kết thúc học phần 1 bài 60% Thi viết (90 phút)
141	Luật tố tụng hình sự VN	Học phần Luật tố tụng hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cung cấp cho sinh viên tổng hợp tất cả kiến thức về các thủ tục trong tố tụng hình sự, bao gồm những nội dung về:	3	1. Lý thuyết: 45 giờ 2. + Thảo luận, thực hành: 29 giờ 3. + Kiểm tra/ đánh giá: 1	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.</p> <p>Đồng thời môn học giúp sinh viên hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức và công dân có liên quan; vấn đề hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Từ đó sinh viên biết vận dụng được kiến thức đã học vào áp dụng trong thực tế công việc và cuộc sống.</p>		<p>bài</p> <p>4. + Tự học: 75 giờ</p>	<p>Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20% 60 phút</p> <p>Bài tập cá nhân 1 bài 10%</p> <p>Bài tập nhóm 1 bài 10%</p> <p>Thi kết thúc học phần 1 bài 50%</p> <p>Thi viết (90 phút)</p>
142	Luật đất đai	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật đất đai, gồm: Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Chế độ pháp lý đối với các loại đất; Giải quyết tranh chấp đất đai. Bên cạnh đó, phân biệt pháp luật đất đai với pháp luật dân sự và pháp luật hành chính.</p>	3	<p>- Lý thuyết: 30 giờ (02 tiết giảng/1 tuần lễ)</p> <p>- Thảo luận, kiểm tra đánh giá: 30 H9 giờ (01 tiết thảo luận nhóm/1 tuần lễ)</p> <p>- Tự học: 75 giờ</p>	<p>- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%.</p> <p>- Điểm kiểm tra định kỳ: 30%.</p> <p>- Thi kết thúc học phần: 60%.</p>
143	QL hành chính trong một số LV	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước trong một số lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, đất đai, môi trường.</p> <p>Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước ở một số lĩnh vực; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước. Môn học này gắn lý luận với thực tiễn công tác quản lý hành chính nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.</p>	2	<p>Lý thuyết: 30 giờ</p> <p>Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ (1 bài kiểm tra)</p> <p>Tự học: 45 giờ</p>	<p>Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20% 50 phút</p> <p>Bài tập cá nhân 1 bài 10%</p> <p>Thi kết thúc học phần 1 bài 60%</p> <p>Thi viết (90 phút)</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
144	Luật tổ tụng hành chính	Luật tổ tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tổ tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tổ tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực thi quyền hành pháp trong tổ tụng hành chính	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ (1 bài kiểm tra) Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20% 60 phút Bài tập cá nhân/ nhóm 1 bài 10% Thi kết thúc học phần 1 bài 60% Thi viết (90 phút)
145	PL về công chức, công vụ	Pháp luật Công vụ, công chức là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân trình độ đại học chuyên ngành Luật, nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về công vụ, công chức ở nước ta.	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 14 giờ Kiểm tra: 1 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20% 60 phút Bài tập cá nhân/ nhóm 1 bài 10% Thi kết thúc học phần 1 bài 60% Thi viết (90 phút)
146	PL về công chứng, chứng thực	Học phần Pháp luật về công chứng, chứng thực là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực. Thông qua đó, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và các vấn đề có liên quan. Môn học cung cấp các vấn đề lý luận chung về hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận: 14 giờ Kiểm tra: 1 giờ Tự học: 30 giờ	Điểm chuyên cần: lên lớp đầy đủ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận 1 điểm 10% Điểm bài tập nhóm (tuần 10) 1 bài 30% Thi kết thúc học phần Thi viết (90 phút) 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công chứng, chứng thực; các thủ tục thực hiện công chứng và thực hiện chứng thực trong thực tế.			
147	PL về thanh tra...	Học phần cung cấp những kiến thức lý luận và các quy định của pháp luật hiện hành về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra, về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo dưới góc độ là một trong những nội dung cụ thể của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.	2	Lý thuyết: 24 giờ Thảo luận, kiểm tra: 21 giờ Tự học: 60 giờ	Điểm chuyên cần 01 điểm 10% Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu Bài tập nhóm 01 bài 30% Nhóm nộp bài vào tuần 7 và thuyết trình bài tập ở tuần 10 Yêu cầu đối với bài tập nhóm: viết tay hoặc đánh máy. Độ dài: từ 15 đến 20 trang. Nội dung: bám sát đề bài tập nhóm. Thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm kết hợp tự luận) 60% 90 phút
148	KN tổ chức công sở	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công sở, kỹ thuật điều hành công sở; kỹ thuật điều hành công sở; những điều kiện, bảo đảm phương tiện làm việc; các phương pháp lãnh đạo quản lý hành chính trong công sở hiện nay.	2	- Lý thuyết: 20 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 25 giờ (tổng sinh viên học 03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15% - Điểm bài tập thực hành: 15%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
149	KN giải quyết tranh chấp HC	Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung về kỹ năng giải quyết các tranh chấp hành chính theo: thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính và thủ tục tố tụng hành chính. Bao gồm các nội dung: vấn đề khởi kiện và thụ lý những tranh chấp hành chính; kỹ năng thụ lý, thu thập đánh giá chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ và kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình giải quyết tranh chấp hành chính có hiệu quả, thu thập đánh giá chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp hành chính; nghiên cứu hồ sơ về tranh chấp hành chính. Qua đó giúp người học có được các kỹ năng cần thiết để vận dụng vào công việc và cuộc sống.	2	Lý thuyết: 30 giờ (2 giờ/ tuần) Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ (1 bài kiểm tra) Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 1 bài 20% Bài tập cá nhân/ nhóm 1 bài 10% Thi kết thúc học phần 1 bài 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
150	KN giải quyết tranh chấp HS	Học phần cung cấp lí luận cơ bản về hoạt động giải quyết tranh chấp về hình sự; là cơ sở khoa học trang bị cho sinh viên những kĩ năng cơ bản từ giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đến giai đoạn xét xử. Trên cơ sở các kĩ năng được trang bị tạo ra nền tảng cho hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động tư pháp và trợ giúp pháp lí.	2	Lý thuyết: 15 giờ Thảo luận: 29 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập nhóm, chuẩn bị bài ở nhà 1 điểm 10% Kiểm tra giữa kỳ 1 bài 30% Thi kết thúc học phần 1 bài 60%
151	Luật tố tụng dân sự	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; khái niệm, đặc điểm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; khái niệm, ý nghĩa và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Hiểu được loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, phân định được thẩm quyền xét xử giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ; vị trí, vai trò và địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng, khái niệm, đặc tính, nguồn chứng cứ; khái niệm chứng minh, chủ thể chứng minh, những tình tiết sự kiện không phải chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể; các loại án phí, lệ phí và căn cứ xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng, các trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.	3	- Lý thuyết: 38 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 22 giờ (tổng sinh viên học 04 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
152	Luật lao động	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm, đặc điểm các nguyên tắc cơ bản của quan hệ pháp luật lao động; các yếu tố cấu thành, căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa người lao động và người sử dụng lao động; khái niệm, đặc trưng và nội dung các quy định của pháp luật trong	3	- Lý thuyết: 39 giờ - Thảo luận: 19 giờ - Kiểm tra/ đánh giá: 02 giờ - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài tập nhóm: 30%. - Thi kết thúc học phần (Thi viết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc điều chỉnh quan hệ lao động (hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, công đoàn, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, đình công, giải quyết đình công, việc làm, học nghề và quan hệ về quản lý lao động). Bên cạnh đó, cung cấp kiến thức về những quy định đối với lao động nữ trong pháp luật lao động Việt nam dưới góc độ bình đẳng giới.			tự luận bán trắc nghiệm): 60%.
153	Luật hôn nhân và gia đình	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; đặc điểm và các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp; các căn cứ và đường lối giải quyết việc kết hôn trái pháp luật; các quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng, chế độ tài sản giữa vợ và chồng, khái niệm ly hôn, người có quyền ly hôn, căn cứ ly hôn, các điều kiện hạn chế ly hôn, các trường hợp ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn; các quy định của pháp luật về các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng; hậu quả pháp lý đối với từng trường hợp chia tài sản chung của vợ và chồng; các căn cứ xác định quan hệ giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ; do sự kiện nuôi con nuôi, ý nghĩa của vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và phân tích được quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mang thai hộ; các quyền và nghĩa vụ nhân thân và tài sản giữa cha mẹ và con; các quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên khác trong gia đình. Hiểu được bản chất của quan hệ cấp dưỡng và căn cứ phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng; nêu và vận dụng được các quy định về các trường hợp cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 40 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 tiết (tổng sinh viên học 03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
154	PL về bình đẳng giới	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật bình đẳng giới, vị trí, vai trò của pháp luật bình đẳng giới trong hệ thống pháp luật, các quy định pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực, cơ chế bảo đảm bình đẳng giới và đặc thù giới tính nữ trong pháp luật và thực tế	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết/tuần) - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 30 tiết ((01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 25 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập nhóm : 20% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.
155	PL về phòng, chống BLGD	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến bạo lực gia đình như khái niệm bạo lực gia đình, bạo lực thân thể, tâm lý, tình dục...tạo cơ sở khoa học cho việc tiếp cận ở mức có thể giải thích và áp dụng được các quy định pháp luật trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình. Hiểu rõ được mối quan hệ giữa quy định pháp lý về phòng, chống bạo lực gia đình với các ngành luật khác liên quan. Trình bày được phạm vi và phương pháp điều chỉnh cũng như các nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình, cấu trúc và các nội dung cơ bản của Luật phòng, chống bạo lực gia đình	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 giờ ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập cá nhân: 10%. - Điểm bài tập nhóm : 10% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.
156	PL về phòng, chống BB người	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mua bán người, bóc lột tình dục, nô lệ tình dục, cưỡng bức lao động, nạn nạn nhân.. tạo cơ sở khoa học cho việc tiếp cận ở mức có thể phân tích và áp dụng được các quy định pháp luật trong lĩnh vực phòng chống mua bán người. Giải thích được mối quan hệ giữa quy định pháp lý về mua bán người với các ngành luật khác liên quan. Trình bày được phạm vi và phương pháp điều chỉnh cũng như các nguyên tắc phòng, chống mua bán người, cấu trúc và các nội dung cơ bản của Luật phòng, chống mua bán người.	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 tiết ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 60 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm bài tập cá nhân: 10%. - Điểm bài tập nhóm : 10% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.
157	PL về quyền và nghĩa vụ của PN	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của phụ nữ với tư cách là công dân có đặc thù riêng về giới tính và thiên chức người mẹ, vị trí, vai trò của pháp luật trong việc quy định và đảm bảo thực thi quyền của phụ nữ, các	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết/tuần - Thảo luận trên lớp: 15 tiết ((01 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận nhóm, thực	- Điểm chuyên cần : 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. - Điểm bài tập nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy định pháp luật về quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực, cơ chế bảo đảm quyền của phụ nữ trong pháp luật và thực tế.		hành: 28 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 02 tiết - Tự học: 25 tiết.	
158	PL về quyền trẻ em	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em, mối quan hệ giữa quyền trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em với quyền của các chủ thể khác; trách nhiệm của các thành viên gia đình, trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ các quyền của trẻ em; khái niệm vi phạm pháp luật, các hành vi vi phạm pháp luật và các biện pháp xử lý vi phạm quyền trẻ em, một số điều ước quốc tế về quyền trẻ em và phân tích được những nội dung cơ bản bảo vệ quyền trẻ em trong các điều ước quốc tế đó.	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 15 tiết ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% '- Điểm bài tập nhóm : 30%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
159	CD thực hành PL về PN & BĐG	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về các phương thức, thủ tục, bước cơ bản trong quá trình thực hành tư vấn pháp luật trong một số tình huống cụ thể như vấn đề kết hôn, ly hôn, thừa kế; đánh giá các chính sách pháp luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.	3	- Lý thuyết: 12 tiết - Thảo luận, thực hành, đánh giá: 33tiết ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 30 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% '- Điểm bài tập thực hành tại lớp: 30%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
160	KN giám sát và phản biện XH	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích, tính chất, nguyên tắc cơ bản của hoạt động giám sát và phản biện xã hội, các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước về giám sát và phản biện xã hội, những nội dung cơ bản và các bước khi giám sát và phản biện xã hội	2	- Lý thuyết: 21 tiết - Thảo luận, kiểm tra: 24 tiết ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% '- Điểm bài tập thực hành cá nhân lần 1: 15%. - Điểm bài tập thực hành cá nhân lần 2: 15%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
161	PL về giám sát và phản biện XH	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích, tính chất, nguyên tắc cơ bản của hoạt động giám sát và phản biện xã hội, chủ thể, đối tượng giám sát và phản biện xã hội, các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước về giám sát và phản biện xã hội, những nội dung cơ bản	2	- Lý thuyết: 21 tiết - Thảo luận, kiểm tra: 24 tiết ((03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm chuyên cần : 10% '- Điểm bài tập thực hành nhóm: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và các bước khi giám sát và phản biện xã hội, những điều kiện, bảo đảm hoạt động giám sát và phản biện xã hội trong điều kiện hiện nay.			20%. - Thi kết thúc học phần (bản trắc nghiệm): 60%.
162	Lý luận về nhà nước và PL 1	Là môn khoa học pháp lí cơ sở của ngành luật, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước; nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước nói chung và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước; các cơ quan nhà nước; hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; mối quan hệ giữa nhà nước và công dân; nhà nước pháp quyền.	3	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, thực hành: 28 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 2 - Tự học: 90	Điểm chuyên cần 01 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 01 bài 20% Điểm bài tập nhóm 01 bài 20% Thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm) 50%
163	Lý luận về nhà nước và PL 2	Là môn khoa học pháp lí cơ sở của ngành luật, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước; nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước nói chung và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước; các cơ quan nhà nước; hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; mối quan hệ giữa nhà nước và công dân; nhà nước pháp quyền.	3	Lý thuyết: 30 tiết Thảo luận, thực hành: 28 tiết Kiểm tra/ đánh giá: 2 Tự học: 90	Điểm chuyên cần 01 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 01 bài 20% Điểm bài tập nhóm 01 bài 20% Thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm) 50%
164	Luật Hiến pháp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lí luận cơ bản về ngành luật Hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chính sách/chế độ kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Các quy định về bộ máy nhà nước như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương; Hội đồng bầu cử quốc gia và kiểm toán nhà nước; Có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải thích, đánh giá	4	Lý thuyết: 60 tiết Thảo luận, thực hành: 28 tiết Kiểm tra/ đánh giá: 2 tiết Tự học: 135 giờ	Điểm chuyên cần 01 điểm 10% Điểm kiểm tra định kỳ 01 bài 20% Điểm bài tập cá nhân 01 bài 10 % Điểm bài tập nhóm 01 bài 10% Thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, bài tập tình huống) 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.			
165	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Là môn khoa học pháp lí cơ sở bao gồm 2 phần nội dung cơ bản: lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới, lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật ở các khu vực và một số quốc gia trên thế giới qua các thời kì lịch sử; quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và thế giới của nhà nước và pháp luật Việt Nam trong toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam.	3	Lý thuyết: 45 giờ Thảo luận: 13 giờ Kiểm tra, đánh giá: 2 giờ Tự học: 90 giờ	Điểm chuyên cần 01 điểm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 01 bài 20% Điểm bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm 01 bài 20 % Thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm) 50%
166	Xã hội học pháp luật		2		
167	PL phòng chống tham nhũng	Học phần chung cấp cho sinh viên những cấp kiến thức, văn bản, hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam và kiến thức về vấn đề phòng chống tham nhũng của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.	2	Lý thuyết: 28 giờ - Thảo luận: 16 giờ - Kiểm tra/ đánh giá: 1 giờ - Tự học: 60 giờ	Điểm chuyên cần 01 điểm 10%
168	Công pháp quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản: khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung của hệ thống các nguyên tắc cơ bản; Nguồn của luật quốc tế: khái niệm nguồn của luật quốc tế, khái niệm và đặc điểm của điều ước quốc tế, quá trình hình thành điều ước quốc tế, khái niệm và đặc điểm của tập quán quốc tế, con đường hình thành tập quán quốc tế, các phương tiện hỗ trợ nguồn của luật quốc tế, mối quan hệ giữa các loại nguồn cơ bản và mối quan hệ giữa nguồn cơ bản và nguồn bổ trợ của luật quốc tế; Nghiên cứu quốc gia và những vấn đề pháp lý liên quan đến quốc gia – chủ thể cơ bản và chủ yếu của luật quốc tế - như khái	3	Lý thuyết: 30 tiết Thảo luận: 28 tiết Kiểm tra: 2 tiết Tự học: 75 tiết	Điểm thường xuyên: điểm chuyên cần, thái độ, ý thức thảo luận, làm bài tập cá nhân, chuẩn bị bài. 1 điểm 10% Điểm kiểm tra định kỳ (tuần 7) 1 bài 20% Điểm bài tập nhóm 1 – 2 bài 20% Thi kết thúc học phần Thi viết (90 phút) 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		niệm, các yếu tố cấu thành, vấn đề công nhận quốc gia, chính phủ mới và hệ quả pháp lý, vấn đề kế thừa quốc gia và các nguyên tắc giải quyết kế thừa cho những trường hợp kế thừa cụ thể...			
169	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm, đặc điểm các nguyên tắc cơ bản của quan hệ pháp luật lao động; các yếu tố cấu thành, căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa người lao động và người sử dụng lao động.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 15 giờ - Thảo luận: 29 giờ - Kiểm tra: 1 giờ - Tự học: 60 giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần: lên lớp đầy đủ, thái độ, ý thức thảo luận, tham gia thực hành, làm bài tập cá nhân, chuẩn bị bài: 1 điểm 10% - Điểm kiểm tra định kỳ (tuần 7): 1 bài 20% - Điểm bài tập cá nhân: 1 bài 10% - Điểm bài tập nhóm: 1 bài 10% - Thi kết thúc học phần (thi viết): 90%
170	Nghề luật &PP học ĐH ng.luật	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về đặc trưng của nghề luật; những kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của các chức danh tư pháp; các yếu tố tác động của môi trường học tập đến hiệu quả học tập; nhận thức chung về quá trình học tập ở bậc đại học, những phương pháp học tập đại học nói chung và phương pháp học tập đại học ngành luật nói riêng. Bên cạnh đó cũng cung cấp cho sinh viên những phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu pháp luật nói riêng; những vị trí, vai trò của nghiên cứu pháp luật trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 34 tiết. - Thảo luận, kiểm tra: 26 tiết. - Tự học: 45 giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần: 10 % - Điểm kiểm tra giữa kỳ (1 bài, thời gian 60 phút): 20 % - Điểm bài tập cá nhân/nhóm: 20% - Thi cuối kỳ (thi viết, thời gian thi 90 phút): 50 %
171	Tổng quan du lịch	Học phần giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những vấn đề cơ bản về du lịch một cách có hệ thống. Bên cạnh đó nội dung học phần còn đề cập khái lược về quản trị bao gồm: khái niệm,	3	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 43 giờ - Thảo luận, thực hành: 15 giờ . - Kiểm tra: 02 giờ - Tự học: 60 giờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức năng, phương pháp quản trị, đây là những kiến thức cơ bản, nền tảng để sinh viên tiếp cận các học phần chuyên sâu của ngành học. Nội dung môn học gồm 6 chương trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống, tương đối ngắn gọn, dễ hiểu về những vấn đề cơ bản về quản trị du lịch như các khái niệm quản trị, du lịch, sản phẩm du lịch, ảnh hưởng của du lịch tới kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường...			nhóm/bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.
172	Quản trị điểm đến	Học phần giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những vấn đề cơ bản về quản trị điểm đến du lịch bao gồm: Khái quát những vấn đề cơ bản về điểm đến du lịch và tổ chức quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch. Đây là những kiến thức chuyên sâu của Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	2	- Lý thuyết: 43 giờ - Thảo luận, thực hành: 15 giờ . Kiểm tra: 02 giờ - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.
173	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản như khái niệm về du lịch, hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch; Phân loại hướng dẫn viên du lịch, vai trò của hoạt động hướng dẫn du lịch, điều kiện pháp lý để trở thành hướng dẫn viên, những yêu cầu và phẩm chất, kiến thức, kỹ năng, hành vi đạo đức cần có của Hướng dẫn viên du lịch; cung cấp cho người học các quy trình hoạt động hướng dẫn, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; biên tập tư liệu cho bài thuyết minh du lịch, phương pháp thuyết minh du lịch.	3	- Lý thuyết: 24 giờ - Thảo luận: 28 giờ . Thực tế: 6 giờ (3 ngày) - Kiểm tra: 02 giờ - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (50'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 20%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 50%.
174	Phong tục, tập quán, lễ hội	Học phần giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những vấn đề cơ bản về phong tục tập quán, lễ hội truyền thống nói chung và của Việt Nam nói riêng được đánh giá và khai thác trong hoạt động du lịch	3	- Lý thuyết: 43 giờ - Thảo luận, thực hành: 15 giờ . Kiểm tra: 02 giờ - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
175	Địa lý du lịch VN và thế giới	Học phân trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển và vai trò của địa lí du lịch, các vùng du lịch của Việt Nam cũng như tài nguyên du lịch của các vùng, quy luật phân bố không gian của các thành phần trong hệ thống du lịch, tài nguyên du lịch, những thông tin khái quát về các vùng du lịch trên thế giới... Trên cơ sở đó, góp phần cho người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các điều kiện phát triển du lịch ở từng vùng, định hướng phát triển các sản phẩm du lịch ở các địa phương, tham gia quản lí hoạt động du lịch theo hướng bền vững ở các địa bàn cụ thể.	2	- Lý thuyết: 15 giờ (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 giờ (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.
176	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực	Học phân giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những vấn đề cơ bản về văn hóa ẩm thực một cách có hệ thống. Nội dung cụ thể 4 chương của học phần gồm: Chương 1: Khái quát chung về văn hóa ẩm thực, Chương 2: Văn hóa ẩm thực Việt Nam, Chương 3: Văn hóa ẩm thực Phương Đông, Chương 4: Văn hóa ẩm thực Phương Tây	2	- Lý thuyết: 15 giờ - Thảo luận, thực hành: 30 giờ - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (50'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 20%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 50%.
177	Tài nguyên và KD du lịch	Học phân giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những vấn đề cơ bản về tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn, khai thác, bảo vệ tài nguyên du lịch. Đây là những kiến thức cơ bản, nền tảng để sinh viên tiếp cận các học phần chuyên sâu của ngành học.	3	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành: 14 giờ . - Kiểm tra: 01 giờ - Tự học: 45 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 10%. - Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.
178	Điểm tuyên du lịch Việt Nam	Học phân giảng dạy cho sinh viên chương trình Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam gồm những kiến thức và kĩ năng vận dụng tổng hợp về các điểm đến như địa lí, lịch sử, phong tục, các điểm đến như địa lí, lịch sử, phong tục, các đặc điểm và các điểm tham quan cộng đồng dân cư địa phương, khí	3	- Lý thuyết: 40 giờ - Thảo luận, thực hành: 19 giờ . - Kiểm tra: 01 giờ - Tự học: 60 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10%. - Điểm kiểm tra giữa kì (60'): 20%. - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 10%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hậu và tính mùa vụ ảnh hưởng đến thời gian tham quan, các sự kiện đặc biệt như lễ hội, phương tiện dành cho du khách, những vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe, những cảnh báo về du lịch. Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thiết kế những điểm tuyến du lịch phù hợp tới vùng miền, những chương trình du lịch với những điểm tham quan đặc trưng của từng điểm tuyến du lịch đó.			- Thi kết thúc học phần (thi viết): 60%.
179	Kinh tế học về giới	Kinh tế học về giới là môn học được xây dựng theo quan điểm kinh tế mới gắn liền với vai trò giới trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa. Những vấn đề giới trong kinh tế và phân tích một số vấn đề kinh tế học cơ bản dưới góc nhìn giới và quá trình ra quyết định kinh tế dựa trên quan điểm giới.	3	Lý thuyết: 30 giờ (3 giờ giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 10% 1 bài kiểm tra giữa kỳ: 10% 3 Bài tập nhóm: 30% Điểm bài luận cuối kỳ: 50% (theo hướng dẫn của giảng viên)
180	Kinh tế vi mô	Nghiên cứu những kiến thức cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn, tính quy luật và xu hướng vận động của nền kinh tế vi mô: cung cầu hàng hóa, lao động, sản xuất, kinh doanh	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 giờ giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 10% 2 bài kiểm tra : 30% Thi viết: 60%
181	Kinh tế vĩ mô	Học phần giới thiệu và nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát - thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 giờ giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 10% 3 bài kiểm tra : 30% Thi viết: 50%, 90 phút
182	Kinh tế lượng	Học phần bao gồm các khái niệm cơ bản của phân tích hồi quy, trình bày mô hình hồi quy bội, suy diễn thống kê, trình bày hồi quy với biến độc lập là biến định tính. Trình bày cách phát hiện, khắc phục các khuyết tật của mô hình. Nghiên cứu sâu hơn một số vấn đề liên quan đến phân tích hồi quy với chuỗi thời gian	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 tiết giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 2 bài kiểm tra giữa kỳ, 2 bài tập thực hành phần mềm thống kê: 30% Thi viết: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
183	Nguyên lý kế toán	Kiến thức cơ bản bao gồm: Bản chất hạch toán kế toán; nguyên tắc, khái niệm kế toán được sử dụng rộng rãi. Đối tượng của kế toán và hệ thống phương pháp hạch toán kế toán.	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 tiết giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 20% 3 bài kiểm tra giữa kỳ, Điểm kiểm tra định kỳ: 30% Thi viết: 50%
184	Quản trị tài chính DN	Môn học đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu.	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 tiết giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 20% 2 bài kiểm tra giữa kỳ, Điểm kiểm tra định kỳ: 30% Thi viết: 50%
185	Thống kê kinh doanh	Học phần bao gồm 2 nội dung cơ bản: Nguyên lý thống kê kinh tế và thống kê doanh nghiệp. Cung cấp lý thuyết cơ bản về quá trình nghiên cứu, tổng hợp và phân tích thống kê. Xác định và phân tích các chỉ tiêu thống kê trong từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lao động - tiền lương, tài sản, giá thành sản phẩm, tài chính doanh nghiệp	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 2 bài kiểm tra giữa kỳ, Điểm kiểm tra định kỳ: 30% Thi viết: 60% (bán trắc nghiệm)
186	Kinh tế du lịch	Học phần trang bị khái niệm cơ bản về Du lịch; Xu hướng phát triển của Du lịch; Nhu cầu Du lịch, các lĩnh vực kinh doanh trong Du lịch; Điều kiện để phát triển Du lịch; Tính thời vụ trong Du lịch; Lao động trong Du lịch; Cơ sở vật chất kỹ thuật Du lịch; Chất lượng dịch vụ Du lịch; Hiệu quả kinh tế trong Du lịch; Quy hoạch phát triển Du lịch.	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 1 điểm bài tập trên lớp: 20% Bài tập nhóm: 20% Thi hết môn, viết: 50% (90 phút)
187	Lý thuyết tài chính- tiền tệ	Trang bị kiến thức tổng quan lý thuyết cơ bản về tài chính tiền tệ Phân biệt các thị trường tài chính, công cụ tài chính	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 giờ giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cũng như cơ chế sử dụng các công cụ này trên thị trường tài chính Tìm hiểu các tổ chức tài chính trung gian và hoạt động của các tổ chức này		(kiểm tra): 30 giờ (2 giờ thực hành/tuần lễ) Tự học: 60 giờ	1 bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi viết: 60% (90 phút)
188	Quản trị dự án đầu tư	Học phần trang bị kiến thức về dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư và vai trò của quản trị dự án đầu tư. Khái quát các giai đoạn của dự án đầu tư cũng như các nội dung của quản lý dự án Trang bị những công cụ phụ vụ cho việc phân tích đánh giá, lựa chọn dự án	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 30 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 1 bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thảo luận/bài tập nhóm: 10% Thi viết: 60% (90 phút)
189	Phân tích tài chính DN	Môn học cung cấp phương pháp và kỹ năng phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, với cơ sở dữ liệu là hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp trước khi đưa ra các quyết định kinh doanh. Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, khả năng sinh lời, thực hiện chế độ - chính sách kinh tế tài chính hiện hành và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ 2 giờ kiểm tra	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 2 bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Điểm thảo luận/bài tập nhóm: 10% Thi viết: 50% (90 phút), bán trắc nghiệm
190	Thanh toán quốc tế	Học phần đề cập đến các vấn đề cơ bản tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế. Phần chính của học phần đi sâu vào các công cụ thanh toán quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 1 điểm Trình bày câu hỏi thảo luận nhóm: 20% 4 Bài tập cá nhân trên lớp: 20% Thi hết môn, viết: 50% (90 phút)
191	Kế toán quản trị	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị: hiểu rõ được chức năng và nhiệm vụ của người làm kế toán quản trị cũng như các phương pháp phân tích và kiểm soát chi phí; các phương pháp lập báo cáo tài chính; kỹ thuật lập dự toán ngân sách cho doanh nghiệp; các phương pháp định giá... nhằm cung cấp các thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập: 10% 1 điểm Trình bày câu hỏi thảo luận nhóm: 10% 2 Bài tập cá nhân trên lớp: 40% Thi hết môn, viết: 50% (90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
192	Thống kê xã hội	Trang bị những nội dung tổng quan về thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội. Thiết kế về thống kê trong nghiên cứu khoa học, trình bày dữ liệu thống kê. Sử dụng thành thạo các phương pháp phân tích thống kê trong nghiên cứu xã hội học	2	Lý thuyết: 30 giờ Thảo luận, thực hành: 30 giờ Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 10% 2 bài kiểm tra giữa kỳ, Điểm kiểm tra định kỳ: 30% Bài tập tình huống/ nhóm: 10% Thi viết: 50%
193	Kinh tế học về giới	Kinh tế học về giới là môn học được xây dựng theo quan điểm kinh tế mới gắn liền với vai trò giới trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa. Những vấn đề giới trong kinh tế và phân tích một số vấn đề kinh tế học cơ bản dưới góc nhìn giới và quá trình ra quyết định kinh tế dựa trên quan điểm giới.	3	Lý thuyết: 45 giờ (3 tiết giảng/ tuần lễ) Thảo luận, thực hành (kiểm tra): 30 giờ (2 tiết thực hành/tuần lễ) Tự học: 45 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập.: 10% 1 bài kiểm tra giữa kỳ: 10% 3 Bài tập nhóm: 30% Điểm bài luận cuối kỳ: 50% (theo hướng dẫn của giảng viên)
194	Văn hóa kinh doanh	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về: 1. Vai trò của văn hóa kinh doanh và các nhân tố tác động đến Văn hóa kinh doanh; 2. Các biểu hiện của văn hóa kinh doanh qua triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp; 3. Sự đa dạng, phong phú của Văn hóa kinh doanh quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế; 4. Dời sống Văn hóa kinh doanh Việt Nam, các vấn đề cần suy ngẫm, lý giải của văn hóa kinh doanh Việt Nam đương đại. Đồng thời, người học còn được trang bị những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hoá kinh doanh trong quá trình kinh doanh, để xây dựng văn hóa kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế Học phần được thực hiện bởi sự kết hợp giữa việc giảng dạy của giảng viên Bộ môn Văn hoá kinh doanh với toạ đàm, trao đổi, nói chuyện ngoại khoá	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm / tuần lễ - Tự học: 30 giờ	- Dự lớp, ý thức học tập trên lớp (điểm chuyên cần): 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thảo luận nhóm: 10% - Điểm bài tập cá nhân: 10% - Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với các nhà văn hoá học, kinh tế học và các doanh nhân nhằm làm cho môn học đạt hiệu quả cao trong sự thống nhất lý luận và thực tiễn, kiến thức và kỹ năng. Học phần sử dụng phương pháp và các phương tiện giảng dạy hiện đại (bài tập tình huống, sinh viên thuyết trình, trò chơi kinh doanh...) nhằm khuyến khích sự sáng tạo cao nhất của người học.			
195	Marketing căn bản	Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing căn bản trong hoạt động kinh doanh. Marketing căn bản làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Marketing, môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các công cụ Marketing hỗn hợp (7P) và vấn đề Marketing quốc tế.	3	- Lý thuyết: 44 tiết - Thảo luận, thực hành: 28 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 1 tiết - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/cá nhân: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
196	Quản trị Marketing	Học phần Quản trị Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng Marketing trong vai trò của nhà quản trị. Học phần Quản trị Marketing làm rõ các nội dung chính bao gồm: bản chất của Quản trị Marketing, Xây dựng chiến lược và kế hoạch Marketing của doanh nghiệp, Phân tích cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh dài hạn, chiến lược khác biệt hóa và định vị thị trường, quản trị các công cụ Marketing hỗn hợp (4P) và Quản trị thương hiệu.	3	- Lý thuyết: 45 tiết - Thảo luận, thực hành: 29 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 1 tiết - Tự học: 75 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/cá nhân: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
197	Marketing du lịch	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan marketing du lịch; nghiên cứu marketing; phân tích hành vi mua của khách du lịch; marketing mục tiêu và chiến lược marketing du lịch; chính sách sản phẩm du lịch; chính sách giá và chính sách phân phối sản phẩm du lịch; chính sách xúc tiến và các chính sách khác trong marketing du lịch. Nội dung học phần gồm 07 chương, trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống, ngắn gọn, dễ hiểu những nội dung về marketing du lịch như môi trường, thị trường	2	- Lý thuyết: 29 giờ - Thảo luận, thực hành: 15 giờ - Kiểm tra: 01 giờ - Tự học: 90 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết): 15% - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/bài tập cá nhân: 15 % - Thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và hành vi khách du lịch, các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến và một số chính sách khác trong marketing du lịch.			
198	Quản trị sự kiện	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: tổng quan về quản trị sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; ban tổ chức sự kiện; những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện; tổ chức triển khai hoạt động sự kiện; đánh giá sự kiện và tổ chức một số loại hình sự kiện tiêu biểu.	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng/tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm/tuần lễ) - Tự học: 60 giờ	- Dự lớp, ý thức học tập trên lớp (điểm chuyên cần): 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thảo luận nhóm: 10% - Điểm bài tập cá nhân: 10% - Thi cuối kỳ: 60%
199	ứng dụng CNTT trong KD	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Khái quát chung về ứng dụng CNTT trong kinh doanh; ứng dụng CNTT trong hoạt động quản trị và ra quyết định; ứng dụng CNTT trong các hoạt động tác nghiệp; ứng dụng CNTT trong công tác hành chính văn phòng và hỗ trợ nhóm làm việc	2	- 30 giờ lý thuyết 15 giờ thực hành.	- Điểm chuyên cần và làm các bài tập ở nhà được giao: 10% - Điểm làm và thuyết trình bài tập lớn theo nhóm: 40% - Thi kết thúc học phần: 50%
200	Quản trị quan hệ khách hàng	Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành, kiểm tra/đánh giá: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần - Điểm kiểm tra giữa kỳ - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/cá nhân - Thi kết thúc học phần
201	Kỹ năng đàm phán trong KD	Một trong những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị trong các tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng là kỹ năng đàm phán. Học phần Kỹ năng đàm phán kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản về	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm /	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thảo luận nhóm: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động đàm phán trong kinh doanh; những nguyên lý, nội dung, phương thức, nghệ thuật và chiến lược cơ bản về đàm phán trong kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giúp người học biết và thực hành những bước chuẩn bị, tổ chức, ra quyết định và giải quyết những tình huống phức tạp trong hoạt động đàm phán kinh doanh.		1tuần lễ) - Tự học : 75 giờ	
202	Kỹ năng lãnh đạo	Học phần Kỹ năng lãnh đạo cung cấp các kiến thức cơ bản về lãnh đạo như: phong cách, tổ chức lãnh đạo, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo và các kiến thức đi kèm trong các kỹ năng chính của lãnh đạo như: tạo động lực, giao tiếp, thuyết trình, phân cấp, ủy quyền, và giải quyết xung đột. Một số kỹ năng khác cần thiết cho người lãnh đạo đã được trang bị trong những học phần khác thuộc chương trình như: kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, xây dựng và phát triển nhóm làm việc, giao dịch và đàm phán trong kinh doanh.	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, thực hành: 28 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 2 tiết - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/cá nhân: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
203	KN giải quyết vấn đề và ra QĐ	Học phần Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chủ yếu như: quy trình và một số kỹ năng giải quyết vấn đề; thông tin cơ sở hỗ trợ quyết định quản trị; quy trình ra quyết định, các phương pháp và một số mô hình, kỹ thuật ra quyết định trong doanh nghiệp. Việc vận dụng phần mềm hỗ trợ ra quyết định được hỗ trợ tích cực một phần qua học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin trong kinh doanh.	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, thực hành: 29 tiết - Kiểm tra/ đánh giá: 1 tiết - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm thảo luận, bài tập nhóm/cá nhân: 10% - Thi kết thúc học phần: 60%
204	Thương mại điện tử	Nội dung môn học tập trung nghiên cứu bản chất và quy trình hoạt động thương mại điện tử và các hướng dẫn cụ thể để học viên có thể biết cách vận dụng ngay vào thực tế, khai thác thương mại điện tử như một công cụ kinh doanh sắc bén và hữu hiệu nhất. Những nội dung chính là: Tổng quan về thương mại điện tử; Cơ sở để phát triển thương mại điện tử; Các	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành: 14 giờ - Kiểm tra/ đánh giá: 1 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra định kỳ: 20% - Điểm thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mô hình kinh doanh điện tử phổ biến hiện nay; Một số công cụ Marketing điện tử.			
205	Hành vi người tiêu dùng	<p>Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của khoa học hành vi Người tiêu dùng, Quá trình hình thành và phát triển của khoa học hành vi người tiêu dùng, đặc điểm và phương pháp nghiên cứu hành vi người tiêu dùng; mô hình nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu hành vi khách hàng. - Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài tới hành vi người tiêu dùng. Những yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất tới hành vi, điều kiện và chi phối hành vi như văn hóa, giai tầng - địa vị, nhóm tham khảo và gia đình. - Phân tích các yếu tố bên trong của bản thân mỗi cá nhân ảnh hưởng tới hành vi. Đó là cá tính, lối sống, động cơ, hiểu biết, nhận thức và thái độ của người tiêu dùng ảnh hưởng tới hành vi; chịu tác động như thế nào trong chương trình marketing cũng như xu hướng phản ứng của người tiêu dùng khi những yếu tố này thay đổi. - Ý nghĩa của việc nghiên cứu hành vi với quyết định cuối cùng của khách hàng và quan trọng nhất với kinh doanh; việc mua sắm của khách hàng; nguồn thông tin và cách thức xử lý thông tin thu thập được để ra quyết định mua. Những hệ quả của việc mua sắm sẽ ảnh hưởng trở lại như thế nào tới khách hàng, doanh nghiệp phải làm gì để kích ứng. 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 30 giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp, ý thức học tập trên lớp (điểm chuyên cần): 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thảo luận nhóm: 10% - Điểm bài tập cá nhân: 10% - Thi cuối kỳ (viết, trắc nghiệm): 60%
206	Quản trị chuỗi cung ứng	Học phần này giới thiệu các khái niệm và khuôn khổ để hiểu về Quản trị chuỗi cung ứng. Lĩnh vực Quản trị chuỗi cung ứng có liên quan đến nhiều chuyên ngành bao gồm Quản trị hoạt động, Quản trị công nghệ, khoa học Quản trị, công nghệ thông tin, kinh tế	2	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 30 giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự học trên lớp, ý thức học tập trên lớp (điểm chuyên cần): 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thảo luận nhóm: 20% - Điểm phát biểu/phản biện: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và các chuyên ngành khác. Học phần này cung cấp cho người học những khung lý thuyết cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng từ thu mua nguyên liệu đầu vào, lưu trữ tồn kho, sản xuất đến quá trình lưu thông phân phối hàng hóa, hậu cần đầu vào và hậu cần đầu ra.... các hoạt động trong chuỗi cung ứng sao cho doanh nghiệp có thể tối thiểu hóa chi phí nhưng vẫn có thể đem lại sự thỏa mãn hài lòng cao hơn cho khách hàng. Qua những kiến thức lý thuyết, người học có thể ứng dụng vào thực tế xây dựng một chuỗi cung ứng xuyên suốt từ đầu vào đến đầu ra từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh			- Thi cuối kỳ: 50%
207	Marketing xã hội	Học phần Marketing Xã hội bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: - Xây dựng giải pháp marketing để thay đổi một hành vi nhằm giải quyết một vấn đề xã hội - Xây dựng chương trình hành động marketing xã hội với bộ công cụ 8P để thực hiện giải pháp - Tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình marketing xã hội	2	- Lý thuyết: 30 tiết - Thảo luận, kiểm tra: 15 tiết - Tự học: 45 giờ	- Sự tham gia của sinh viên vào quá trình học: 10% - Bài tập nhóm số 1: 20% - Bài tập nhóm số 2: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%
208	Kỹ năng bán hàng hiện đại	Học phần cung cấp cho sinh viên Tổng quan về bán hàng; Hành vi mua sắm của người tiêu dùng và tổ chức; Quy trình bán hàng; Những kỹ năng cơ bản cần thiết cho nhân viên bán hàng; Kỹ năng tổ chức bán lẻ	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, thực hành: 14 giờ - Kiểm tra: 01 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm chuyên cần và làm các bài tập ở nhà được giao: 10% - Bài tập tình huống và thuyết trình tại lớp: 30% - Kiểm tra giữa kỳ: 10% - Thi kết thúc học phần: 50%
209	QT sản xuất và tác nghiệp	Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Môn học tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố	3	- Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm hoặc làm bài tập / 1tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm bài cá nhân: 10%. - Điểm bài tập lớn: 30%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, quản trị chất lượng, điều độ và kiểm soát hệ thống sản xuất.			
210	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp. Từ khái niệm, chức năng, tầm quan trọng đến các hoạt động của quản trị nguồn nhân lực như: Lập kế hoạch nguồn nhân lực, Thiết kế và phân tích công việc, Tuyển mộ, tuyển chọn nhân lực, Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Đánh giá thực hiện công việc, Thù lao và phúc lợi cho người lao động, Quan hệ lao động Kỷ luật lao động và những vấn đề có liên quan.	3	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
211	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định hướng đi cho các doanh nghiệp và các tổ chức. Cung cấp những kiến thức, phương pháp phân tích môi trường kinh doanh đánh giá thế mạnh, điểm yếu và các lợi thế cạnh tranh của DN, các phương pháp lựa chọn chiến lược, cũng như tổ chức thực hiện và đánh giá các chiến lược của DN.	3	- Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm hoặc làm bài tập / 1tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 30%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
212	Khởi sự kinh doanh	Sau khi học xong học phần, sinh viên phát biểu và phân tích được các kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh và duy trì một công việc kinh doanh cụ thể có lợi nhuận. Cụ thể: - Sinh viên có khả năng đánh giá sự thích hợp của họ để có thể khởi sự kinh doanh; - Sinh viên có khả năng lựa chọn ý tưởng kinh doanh mang tính hiện thực; - Sinh viên có khả năng lập được bản kế hoạch khởi sự kinh doanh.	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng/ 1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm/ 1 tuần lễ) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 20%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
213	Quản trị chất lượng	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản trị chất lượng; các phương pháp quản trị chất lượng, hệ thống quản trị chất lượng và	3	Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong cá nhân DN sản xuất và dịch vụ.		tiết thảo luận nhóm hoặc làm bài tập / 1tuần lễ) - Tự học: 60 giờ	10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 20%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 10%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
214	Nhập môn QTKD	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về quản trị trong các tổ chức và đặt nền tảng cho sự vận dụng các kiến thức này và công tác quản trị các hoạt động của doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục tiếp nhận kiến thức ở các môn quản trị chuyên ngành. Giúp sv có cái nhìn tổng quan hệ thống về quản trị kinh doanh để học có thể trợ giúp cho các nhà quản trị và chủ DN điều hành sản xuất kinh doanh tốt và hiệu quả hơn.	3	- Lý thuyết: 45 tiết (03 tiết giảng / 1 tuần lễ). - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (02 tiết thảo luận nhóm / 1 tuần lễ). - Tự học: 75 giờ.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
215	Giới trong QTKD	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quản trị kinh doanh và những khái niệm cơ bản về Giới; sinh viên có thể xác định được những vấn đề trong kinh doanh, quản trị kinh doanh và phân tích nội số vấn đề quản trị kinh doanh cơ bản dưới góc nhìn giới giới và quá trình ra quyết định kinh doanh dựa trên quan điểm giới; bao gồm phân tích khoảng cách giới trong kinh doanh; các vấn đề giới nổi bật trong tạo lập và điều hành doanh nghiệp; cũng như các vấn đề giới trong một số lĩnh vực chức năng như marketing, nhân sự, tài chính.	3	- Lý thuyết: 45 tiết (3 tiết giảng / tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm hoặc làm bài tập / 1tuần lễ) - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 15%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 55%.
216	QTKD quốc tế	Học phần giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan những kiến thức về kinh doanh quốc tế, cụ thể bao gồm phân tích môi trường kinh doanh quốc tế để lựa chọn chiến lược và phương thức thâm nhập thị trường. Sinh viên có các kỹ năng đưa ra được các quyết định tác nghiệp hợp lý khi họ tham gia các hoạt	3	- Lý thuyết: 45 tiết - Thảo luận, thực hành: 30 tiết - Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần 1 điểm 10% Kiểm tra giữa kỳ (câu hỏi ngắn/trắc nghiệm) 20% Làm bài tập nhóm 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động này nhằm tối đa hóa lợi nhuận, sử dụng và phát huy tối ưu các lợi thế về nguồn lực, cũng như thỏa mãn các yêu cầu khác trong quan hệ kinh doanh quốc tế.			Thi kết thúc học phần (câu hỏi ngắn/trắc nghiệm) 60%
217	Kiểm soát trong QTKD	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh là môn khoa học đi sâu vào một trong các chức năng quan trọng của hoạt động quản trị doanh nghiệp. Học phần này là đề cập đến kiểm soát trong quản trị kinh doanh và hỗ trợ tất cả các cấp quản trị trong doanh nghiệp (nhà quản trị cấp cao, cấp trung gian, cấp cơ sở) để thực hiện mục tiêu chiến lược, hoạt động cụ thể và giới hạn thời gian mục tiêu kinh doanh. Học phần này cung cấp một tập hợp các kiểm soát trong quản trị kinh doanh như thiết kế, thực hiện kiểm soát.	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng/ 1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm/ 1 tuần lễ) - Tự học: 60 giờ	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần 1 điểm 10% Kiểm tra giữa kỳ (câu hỏi ngắn/trắc nghiệm) 20% Làm bài tập nhóm 10% Thi kết thúc học phần (câu hỏi ngắn/trắc nghiệm) 60%
218	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, khi các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới.	2	Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10% - Điểm kiểm tra viết giữa kỳ 1 bài kiểm tra 10% - Điểm bài tập cá nhân ở nhà: 10% - Điểm thảo luận nhóm 1 bài tập cá nhân 20% - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm) 50%
219	Thay đổi và phát triển DN	Học phần cơ bản trang bị cho học viên quản trị kinh doanh các kiến thức và kỹ năng để Tạo ra sự đổi mới để doanh nghiệp phát triển bền vững và hiệu quả hơn Quản trị các chương trình, kế hoạch thay đổi nhằm phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động	2	- Lý thuyết: 30 tiết (2 tiết giảng/ 1 tuần lễ) - Thảo luận, kiểm tra: 30 tiết (2 tiết thảo luận nhóm/ 1 tuần lễ) - Tự học: 60 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
220	Tuyển dụng, đào tạo và PT	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực, trong đó tập trung vào khái niệm, vai trò, hình thức và nội dung các phương pháp của tuyển dụng đào tạo và phát triển nhân lực, cũng như quản lý phát triển nhân lực trong DN.	2	- Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
221	Lương, thưởng và phúc lợi	học phần này đề cập chủ yếu là vấn đề tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi mà bao gồm về chế độ, chính sách, cách thức tính lương, thưởng và phân bổ phúc lợi trong các các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay. Ngoài ra học phần cũng đưa ra cách thức tổ chức và lập kế hoạch lương, thưởng, phúc lợi cho các tổ chức và cách đánh giá phân tích những kế hoạch sẵn có.	2	Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.
222	Quan hệ lao động	Học phần Quan hệ lao động được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tổ chức và Nhân lực. Học phần thuộc lĩnh vực khoa học kinh tế - xã hội cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mối quan hệ giữa người sử dụng lao động – người lao động – Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về các vấn đề như: cơ chế 3 bên, cơ chế 2 bên, thương lượng trong quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công... và thực tiễn mối quan hệ lao động ở	2	Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam để quản lý và điều chỉnh quan hệ lao động phù hợp với thực tiễn và có hiệu quả.			
223	QT hiệu quả hoạt động	Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị hiệu quả hoạt động trong các tổ chức, DN. Sinh viên nắm được khái niệm, bản chất của Quản trị hiệu quả hoạt động, nội dung các bước cơ bản trong quá trình thực hiện quản trị hiệu quả hoạt động, các phương pháp đo lường, đánh giá và hướng điều chỉnh nâng cao theo hướng tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của nv và quản lý các khía cạnh liên quan đến hiệu quả hoạt động của tổ chức.	2	Lý thuyết: 30 giờ - Thảo luận, kiểm tra: 15 giờ - Tự học: 45 giờ	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà: 10%. - Điểm kiểm tra viết định kỳ: 10%. - Điểm thảo luận nhóm trên lớp: 20%. - Thi kết thúc học phần (bán trắc nghiệm): 60%.

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Tập bài giảng Lòng ghép giới	2018	
2	Tập bài giảng Kỹ năng tuyên truyền vận động về giới	2018	
3	Giáo trình CTXH với người cao tuổi	2017	
4	Giáo trình CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình (Dành cho hệ đại học)	2017	
5	Tập bài giảng Cơ sở văn hóa Việt Nam	2016	
6	Khởi sự kinh doanh có lòng ghép giới. Tài liệu dành cho học viên	2016	
7	Khởi sự kinh doanh có lòng ghép giới. Tài liệu dành cho giảng viên	2016	
8	Nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam	2016	
9	Tập bài giảng Giới và phát triển	2016	
10	Giáo trình Giới trong an sinh xã hội	2016	
11	Tập bài giảng Hành chính văn phòng	2016	
12	Nguồn nhân lực nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	2015	
13	Marketing xã hội, Tài liệu nội bộ của Học viện Phụ nữ Việt Nam	2015	
14	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	2014	
15	Tài chính vi mô trong xu thế chuyển đổi và chuyên nghiệp hóa	2013	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
16	Một số xu hướng nghiên cứu về phụ nữ từ năm 1986 đến nay	2013	
17	Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ công tác phụ nữ. Quyển 3	2013	
18	Hướng dẫn lập kế hoạch khởi sự kinh doanh	2012	
19	Tập bài giảng công tác gia đình	2012	
20	Tập bài giảng Công tác tổ chức-cán bộ	2012	
21	Tập bài giảng công tác tuyên truyền giáo dục	2012	
22	Tập bài giảng An sinh xã hội	2012	
23	Tập bài giảng Công tác đối ngoại nhân dân	2012	
24	Tập bài giảng Nhập môn công tác phụ nữ	2012	
25	Tập bài giảng Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế	2012	
26	Tập bài giảng công tác văn phòng	2012	
27	Tập bài giảng Tâm lý học	2012	
28	Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ công tác phụ nữ. Quyển 1	2012	
29	Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ công tác phụ nữ. Quyển 2	2012	
30	Tập bài giảng Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong thời kỳ mới	2012	
31	Nữ lãnh đạo và định kiến giới (nghiên cứu trường hợp nữ lãnh đạo cấp cơ sở)	2011	
32	Tập bài giảng kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2010	
33	Tập bài giảng xã hội học đại cương	2010	
34	Tập bài giảng công tác tuyên truyền giáo dục	2010	
35	Tập bài giảng Tham vấn	2010	
36	Tập bài giảng Thống kê xã hội	2010	
37	Giáo trình Giới	2010	
38	Tập bài giảng Phát triển cộng đồng	2010	
39	Tập bài giảng CTXH cá nhân và nhóm	2010	
40	Tập bài giảng Nhập môn CTXH	2010	
41	Tập bài giảng công tác văn phòng	2010	
42	Vai trò của phụ nữ trong xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc	2010	
43	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2009	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
44	Kỹ năng lãnh đạo trong doanh nghiệp	2009	
45	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2009	
46	Quản trị quan hệ khách hàng	2009	
47	Giới và kinh doanh	2009	
48	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2009	
49	Giáo trình tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	2009	
50	Giáo trình pháp luật về lĩnh vực xã hội	2009	
51	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	2009	
52	Phân tích chuỗi giá trị ngành mây tre đan và mũ nón: trường hợp 2 làng nghề truyền thống tại tỉnh Hà Tây (cũ)	2009	
53	Quan hệ giới và khả năng nâng cấp chuỗi giá trị tại các làng nghề gốm truyền thống	2009	
54	Nhu cầu của phụ nữ tại địa bàn chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Nghiên cứu trường hợp tại 4 xã của Cẩm Giàng, Hải Dương và Đông Anh, Hà Nội	2009	
55	Vai trò giới và lượng hóa giá trị lao động gia đình	2006	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Công tác xã hội đối với phụ nữ bị bạo lực gia đình tại Ngôi nhà bình yên	Lò Thị Thùy Dương	TS. Bùi Thị Mai Đông	Khái quát một số lý luận, thực trạng CTXH trong hỗ trợ phụ nữ bị BLGD tại NNBY, từ kết quả nghiên cứu đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả của các hoạt động trợ giúp NTT của NNBY
2	Đại học	Thực trạng công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình tại xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, Hà Nội	Chu Thị Bích Ngọc	TS. Bùi Thị Mai Đông	Khái quát một số vấn đề lý luận về bạo lực gia đình và công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình Tìm hiểu thực trạng bạo lực gia đình và công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn xã Lại Thượng Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình tại xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học	Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ bị mua bán trở về tại Ngôi nhà bình yên	Trần Thị Như Quỳnh	TS. Bùi Thị Mai Đông	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn việc thực hiện vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ bị mua bán trở về tại NNBY. Tìm hiểu thực trạng việc thực hiện vai trò của NVCTXH trong các hoạt động hỗ trợ PNBMB trở về tại NNBY. Đưa ra một số giải pháp khắc phục các hạn chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò của NVCTXH trong các hoạt động hỗ trợ PNBMB trở về tại NNBY.
4	Đại học	Thực trạng vấn đề tảo hôn trên địa bàn xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình từ góc nhìn của Công tác xã hội	Tô Hoàng Oanh	TS. Bùi Thị Mai Đông	Tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, các biện pháp giảm thiểu tình trạng tảo hôn và đề xuất một số giải pháp để giảm thiểu vấn đề tảo hôn từ góc nhìn Công tác xã hội tại xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình.
5	Đại học	Lựa chọn nghề của học sinh lớp 12 tại các trường THPT công lập trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Đào Thị Ngọc Ánh	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	Nghiên cứu thực trạng chọn nghề của học sinh lớp 12 tại các trường THPT công lập, những yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề của học sinh, trên cơ sở đó đưa ra đề xuất vai trò của nhân viên xã hội trong việc trợ giúp học sinh lớp 12 lựa chọn nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu của xã hội.
6	Đại học	Giáo dục kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em và vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc mở rộng mô hình (Nghiên cứu tại Trung tâm Phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em thuộc Hội Bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam)	Bùi Thị Ánh Ngọc	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	
7	Đại học	Nhận thức về sức khỏe sinh sản của học sinh trung học phổ thông và đề xuất vai trò của nhân viên Công tác xã hội (Nghiên cứu trường hợp tại trường)	Nguyễn Quỳnh Mai	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	Tìm hiểu nhận thức của học sinh Trung học phổ thông về sức khỏe sinh sản. Trên cơ sở đó, đề xuất vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ học sinh Trung học phổ thông nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		THPT Thạch Thất, huyện Thạch Thất, Hà Nội)			
8	Đại học	Việc sử dụng chất gây nghiện của vị thành niên trước khi vào trường giáo dưỡng	Nguyễn Thu Trang	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	Làm rõ thực trạng sử dụng chất gây nghiện của vị thành niên trước khi vào trường giáo dưỡng; tìm hiểu lý do sử dụng chất gây nghiện của vị thành niên và ảnh hưởng của việc sử dụng chất gây nghiện; trên cơ sở đó đưa ra khuyến nghị nhằm giảm thiểu tình trạng tái sử dụng chất gây nghiện của vị thành niên sau khi ra khỏi trường giáo dưỡng.
9	Đại học	Giáo dục cách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên tại gia đình hiện nay và đề xuất vai trò của nhân viên Công tác xã hội	Trần Thị Lệ Quyên	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	Nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng giáo dục cách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên tại các gia đình hiện nay thông qua nội dung, phương pháp, thời gian giáo dục. Đồng thời, cũng làm rõ các yếu tố tác động tới việc giáo dục cách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, trên cơ sở đó đề xuất vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ gia đình nâng cao hiệu quả của giáo dục cách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên hiện nay.
10	Đại học	Vai trò Hội LHPN xã trong trợ giúp phụ nữ phát triển kinh tế (Nghiên cứu trường hợp Hội LHPN xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc)	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TS. Đoàn Thị Thanh Huyền	Đánh giá thực trạng vai trò của cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc trợ giúp phụ nữ làm kinh tế, trên cơ sở đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao vai trò của cán bộ Hội trong trợ giúp phụ nữ phát triển kinh tế, tăng thu nhập, cải thiện đời sống gia đình.
11	Đại học	Thực trạng nhận thức về sức khỏe sinh sản của học sinh THCS hiện nay và đề xuất biện pháp can thiệp (Nghiên cứu trường hợp tại trường THCS Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội)	Đặng Thị Khánh Hòa	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	Tìm hiểu về nhận thức của học sinh THCS về sức khỏe sinh sản. Từ đó, đưa ra đề xuất, biện pháp can thiệp nhằm hỗ trợ, nâng cao nhận thức về sức khỏe giới tính cho học sinh THCS.
12	Đại học	CTXH với trẻ em lang thang đường phố (nghiên cứu trường hợp tại Tổ	Đỗ Thị Tươi	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		chức trẻ em Rồng Xanh)			
13	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục cho học viên tại Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội số V, Hà Nội	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	
14	Đại học	Giáo dục giới tính cho học sinh bậc tiểu học (Nghiên cứu trường hợp tại trường Tiểu học Trung Châu A, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Lê Thị Hoài Niệm	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	Nghiên cứu thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh bậc tiểu học tại trường Tiểu học Trung Châu A, huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh bậc tiểu học tại trường Tiểu học này.
15	Đại học	Vai trò của tác viên cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân xử lý rác thải tại xóm Nương, thôn Cẩm Phô, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Lê Thị Ngọc Viễn	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vai trò của TVCD trong việc trợ giúp người dân nhằm đề xuất một số biện pháp nâng cao vai trò của TVCD trong việc trợ giúp người dân tại xóm Nương-thôn Cẩm Phô, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
16	Đại học	Nhận thức về bình đẳng giới của người dân xã Thế Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Ngọc Thị Nội	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Tìm hiểu thực trạng nhận thức về BĐG của người dân xã Thế Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Xác định những nguyên nhân ảnh hưởng đến nhận thức của người dân về BĐG. Tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về BĐG cho người dân.
17	Đại học	Thực trạng chăm sóc sức khỏe người có công tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Bé Thị Hồng Chăm	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Nghiên cứu thực trạng công tác chăm sóc sức khỏe NCC tại Tràng Định, Lạng Sơn.
18	Đại học	Vai trò của nhân viên Công tác xã hội với người cao tuổi tại Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	Đỗ Thị Mai Lam	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Nghiên cứu, phân tích thực trạng việc thực hiện vai trò của NVCTXH đối với NCT tại Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Nhân Ái, phường Minh Khai, quận Từ Liêm, Hà Nội đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò của NVCTXH tại trung

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nhân Ái, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.			tâm.
19	Đại học	Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ tự kỷ tại Trung tâm tăng cường kỹ năng sống trẻ em	Nguyễn Thu Hiền	Ths. Trịnh Hà My	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ TTK. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của NVCTXH trong việc hỗ trợ TTK tại TT tăng cường kỹ năng sống trẻ em.
20	Đại học	Hoạt động trợ giúp người khuyết tật vận động tại Câu lạc bộ Thanh niên khuyết tật Việt Nam	Nguyễn Anh Thư	Ths. Trịnh Hà My	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hoạt động trợ giúp NKTVD. Từ đó đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động trợ giúp trong việc hỗ trợ NKTVD.
21	Đại học	Công tác chăm sóc sức khỏe của phụ nữ mang thai và đề xuất biện pháp can thiệp của Công tác xã hội (Nghiên cứu tại phường Yên Ninh, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái)	Nguyễn Ngọc Mai	Ths. Nguyễn Văn Thanh	Tìm hiểu thực trạng chăm sóc sức khỏe của phụ nữ mang thai và những yếu tố ảnh hưởng. Từ đó, đề xuất biện pháp can thiệp từ góc độ của công tác xã hội nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe của phụ nữ mang thai tại phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
22	Đại học	Hoạt động hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhi ung thư tại Khoa nhi Bệnh viện K3 Tân triều và đề xuất vai trò của nhân viên Công tác xã hội	Hoàng Anh Thư	Ths. Nguyễn Văn Thanh	Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực trạng về các hoạt động hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhi ung thư đang điều trị tại khoa Nhi bệnh viện K3, từ đó đề xuất một số vai trò của NVCTXH và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả việc thực hiện hoạt động hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhi ung thư của NVCTXH tại viện K3.
23	Đại học	Thực trạng giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh Trung học sở sở và đề xuất giải pháp của Công tác xã hội	Nguyễn Thị Thương	Ths. Lê Thị Thu	Tìm hiểu thực trạng GDSKSS cho học sinh trường THCS An Dương. Từ đó đề xuất giải pháp của công tác xã hội về GDSKSS cho học sinh THCS. Khảo sát thực trạng GDSKSS cho học sinh tại trường THCS An Dương.
24	Đại học	Thực trạng bạo lực học đường tại trường THPT Đào Duy Từ (thành phố	Hoàng Thị Diệu Thúy	Ths. Lê Thị Thu	Tìm hiểu thực trạng bạo lực học đường tại trường THPT Đào Duy Từ. Tìm hiểu nguyên nhân và hậu quả của hành vi bạo lực học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) và đề xuất biện pháp can thiệp của Công tác xã hội			đường. Tìm hiểu về các biện pháp phòng, chống, giải quyết bạo lực học đường đang được thực hiện tại trường THPT Đào Duy Từ. Đề xuất các biện pháp can thiệp của công tác xã hội trong phòng, chống và hỗ trợ giải quyết tình trạng bạo lực học đường.
25	Đại học	Thực trạng sử dụng trò chơi nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ tại Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học tâm lý – giáo dục Hùng Đông	Lương Thị Lê	Ths. Tô Lan Phương	Tìm hiểu thực trạng sử dụng trò chơi nhằm phát triển KNGT cho TTK, từ đó đề xuất một số biện pháp sử dụng trò chơi nhằm phát triển KNGT cho TTK tại Trung tâm Hùng Đông.
26	Đại học	Việc bảo vệ trẻ em khỏi nạn bạo hành, xâm hại tại các trường mầm non và cơ sở trông giữ trẻ trên địa bàn xã Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	Lê Thị Hương Quỳnh	Ths. Tô Lan Phương	
27	Đại học	Mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội	Đỗ Minh Nguyệt	TS. Bùi Mai Đông	Tìm hiểu thực trạng hoạt động can thiệp, hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực gia đình tại các địa chỉ tin cậy tại cộng đồng của các địa chỉ tin cậy, từ đó đề xuất những giải pháp cải thiện chất lượng của các hoạt động đó.
28	Đại học	Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến trầm cảm sau sinh của phụ nữ tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội	Đỗ Ngọc Ninh	Ths. Hà Thị Thúy	Nhận diện thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến TCSS ở phụ nữ. Từ đó đưa ra một số giải pháp giảm thiểu tình trạng TCSS ở PNSS.
29	Đại học	Thực trạng nhận thức về sức khỏe sinh sản của thanh niên phường Phạm Đình Hồ và đề xuất giải pháp của Công tác xã hội	Đỗ Hà Ly	TS. Đoàn Thị Trang	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài này nhằm nhận diện mức độ hiểu biết về CSSKSS của thanh niên phường Phạm Đình Hồ. Từ đó đề xuất các giải pháp của CTXH để nâng cao nhận thức cho thanh niên giúp cho việc CSSKSS tại phường đạt hiệu quả cao.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
30	Đại học	Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp Công tác xã hội	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Đoàn Thị Trang	Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, luận văn đưa ra những giải pháp công tác xã hội hữu ích nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam trong thời gian tới.
31	Đại học	Sự tham gia lãnh đạo quản lý của lãnh đạo nữ trong hệ thống chính trị huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	Nguyễn Thị Hà Nhi	TS. Lê Thị Tường Vân	Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng cán bộ nữ (CBN) tham gia lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị và những khó khăn của họ; nghiên cứu sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm tăng tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
32	Đại học	Thích ứng với “Hội chứng về hưu” của người cao tuổi và vai trò của nhân viên CTXH	Nguyễn Thảo My	TS. Lê Thị Tường Vân	Trên cơ sở tìm hiểu “hội chứng về hưu” của người cao tuổi và vai trò của nhân viên công tác xã hội, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người cao tuổi ứng phó với “hội chứng về hưu” hiệu quả hơn.
33	Đại học	Nhận thức, thái độ và hành vi của phụ nữ đối với bạo lực gia đình (Nghiên cứu trường hợp tại xã đại đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn)	Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Lê Thị Tường Vân	Nghiên cứu về nhận thức, thái độ và hành vi của phụ nữ đối với bạo lực gia đình trên địa bàn xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi bạo lực gia đình cho phụ nữ.
34	Đại học	Vai trò của Hội phụ nữ trong phòng ngừa tội phạm xâm hại tình dục trẻ em ở lứa tuổi tiểu học trên địa bàn thị xã Sơn Tây.	Nguyễn Tô Minh Ngọc	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Nghiên cứu thực trạng việc thực hiện vai trò của Hội Phụ nữ trong phòng ngừa tội phạm XHTDTE trên địa bàn Thị xã Sơn Tây nhằm đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm XHTDTE của Hội Phụ nữ.
35	Đại học	Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc nâng cao nhận thức về phòng chống bạo lực học đường ở học sinh phổ thông trung học (Trường hợp tại trường THPT Bá	Trương Thị Mỹ Lưu	TS. Dương Kim Anh	Nghiên cứu những vấn đề lý luận về BLHD và CTXH trong trường học Nghiên cứu thực trạng nhận thức của học sinh THPT Bá Thước về BLHD Đề xuất giải pháp và vai trò của CTXH góp phần phòng chống bạo lực học đường.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài Thước, tỉnh Thanh Hóa)	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
36	Đại học	Nghiên cứu thực trạng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ tại Trung tâm Hùng Đông, Hà Nội	Nguyễn Thị Thảo	TS. Dương Kim Anh	Xác định những khó khăn trong việc chuẩn bị GDHN cho TTK tại trung tâm từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giảm thiểu những khó khăn trong việc chuẩn bị GDHN cho TTK tại Trung tâm Hùng Đông. Xây dựng cơ sở lý luận về những khó khăn trong việc chuẩn bị GDHN cho TTK. Xác định những khó khăn trong việc chuẩn bị GDHN cho TTK tại Trung tâm Hùng Đông. Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến việc GDHN cho TTK tại Trung tâm Hùng Đông. Đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu khó khăn trong việc chuẩn bị GDHN cho TTK.
37	Đại học	Thực trạng nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên Học viện phụ nữ Việt Nam	Bùi Yến Vân	TS. Dương Kim Anh	Đề tài này nhằm tìm hiểu thực trạng nhận thức về bình đẳng giới của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam. Nghiên cứu này sẽ cho biết quan điểm, mức độ quan tâm, sự hiểu biết của sinh viên về bình đẳng giới từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp để nâng cao hơn nữa nhận thức của sinh viên Học viện
38	Đại học	Thực trạng và giải pháp hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế của Hội LHPN TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Hoàng Thị Phương Thảo	TS. Trần Thị Thu Hiền	Trên cơ sở phân tích thực trạng hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế của Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Ninh Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Ninh Bình.
39	Đại học	Thực trạng và giải pháp dạy học và dạy nghề cho trẻ khuyết tật tại trường dạy trẻ khuyết tật Thanh Trì, Hà Nội	Tạ Thị Phương Quỳnh	TS. Trần Thị Thu Hiền	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài nhằm tìm hiểu nhu cầu học tập của TKT, thực trạng nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy cũng như cơ sở vật chất của Trường dạy trẻ khuyết tật Thanh Trì. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện hoạt động giáo dục, giúp TKT Huyện Thanh Trì được học tập và hòa nhập với xã hội tốt hơn.
40	Đại học	Hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân lực tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Ngon Việt Nam	Nguyễn Thùy Linh	ThS. Lê Tuyết Nhung	Đánh giá thực trạng công tác đãi ngộ nhân lực của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Ngon Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân lực gia tăng sự gắn kết của của CBCNV đối với Công ty trong thời

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					gian tới.
41	Đại học	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty TNHH phân phối sản phẩm cao cấp LPD	Lê Thúy Hạnh	ThS. Lê Tuyết Nhung	Về mặt lý thuyết, hệ thống hóa kiến thức đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá được hiệu quả>NNL thông qua công tác đào tạo và phát triển. Về mặt thực tiễn, trên cơ sở lý thuyết, nhìn nhận và so sánh, phân tích, đánh giá thực trạng của công ty. Từ đó, tìm ra những điểm yếu đang tồn đọng và xây dựng một số giải pháp cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nhân lực của công ty.
42	Đại học	Hoàn thiện công tác trả lương, trả thưởng của Công ty Thương mại và Dịch vụ Anh Trung Đức	Phạm Trung Kiên	ThS. Đoàn Thị Yến	Hệ thống hóa những lý luận khoa học cơ bản về công tác đãi ngộ nhân sự tại doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá thực trạng công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Trung Đức. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Trung Đức.
43	Đại học	Giải pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Công ty tại Cổ phần Tập đoàn thời trang MayGroup	Hoàng Thị Kim Thoa	ThS. Đoàn Thị Yến	Hệ thống hóa những lý luận khoa học cơ bản về động lực lao động, tạo động lực lao động và chỉ ra các tiếp cận với tạo động lực cho người lao động Phân tích và đánh giá thực trạng công tác tạo động lực lao động tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thời trang MayGroup. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thời trang MayGroup.
44	Đại học	Hoàn thiện quan hệ lao động tại Công ty CP Roxy Việt Nam	Đặng Ánh Linh	TS. Phạm Hồng Hải	Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận: trên cơ sở hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về quan hệ lao động trong doanh nghiệp và đánh giá thực trạng quan hệ lao động tại công ty CP Roxy Việt Nam để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quan hệ lao động tại công ty trong thời gian tới
45	Đại học	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Vật giá Việt Nam	Vũ Thị Minh Hảo	TS. Phạm Hồng Hải	Hệ thống hoá kiến thức đào tạo nguồn nhân lực, đánh giá được hiệu quả nguồn nhân lực qua công tác đào tạo. Áp dụng lý thuyết vào công tác đào tạo. Nghiên cứu công tác đào tạo nguồn nhân lực và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chương trình đào tạo của công ty Cổ phần Vật giá Việt Nam.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
46	Đại học	Phân tích tình hình tài chính Công ty cổ phần đầu tư xây lắp hệ thống điện và tư vấn xây dựng Đông Anh	Lê Ánh Tuyết	TS. Trần Quang Tiến	Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến phân tích tài chính của Doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá thực trạng về tình hình tài chính CTCP xây lắp hệ thống Điện & Tư vấn xây dựng Đông Anh trong 3 năm 2014-2016. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính cho công ty.

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (Chưa đào tạo theo đơn đặt hàng)

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo "Nghiên cứu, giáo dục thúc đẩy bình đẳng giới"	21/3/2013	Trung tâm Phụ nữ và Phát triển	60
2	Tọa đàm về Quản lý thiên tai	25/4/2014	Học viện Phụ nữ Việt Nam	20
3	Tọa đàm "Trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình - kinh nghiệm của Mỹ"	29/7/2014	Học viện Phụ nữ Việt Nam	30
4	Tọa đàm về "Các năng lực cần thiết trong thế kỷ 21" và "An ninh mạng"	Thg9-15	Học viện Phụ nữ Việt Nam	60
5	Toạ đàm về khởi sự kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh	Thg10-15	Học viện Phụ nữ Việt Nam	60
6	Hội thảo về Quan hệ lao động	01/05/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	100
7	Tọa đàm về Tổ chức và phát triển cộng đồng	01/06/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
8	Tọa đàm "Vai trò của phụ nữ trong hoạt động kinh tế và chính trị ở Hàn Quốc"	14/01/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	30
9	Hội thảo Luật nhân quyền và các vấn đề về giới	23/3/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
10	Hội thảo Liên minh kinh tế Á - Âu	04/02/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
11	Tọa đàm: Tác động của hành vi doanh nhân đến hiệu quả kinh doanh và triển vọng của doanh nhân nữ tại Việt Nam; Thương mại công bằng: cả phê hữu cơ: HTX các hộ sản xuất nhỏ ở Nicaragua	05/09/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
12	Tọa đàm "Cân bằng cuộc sống và công việc"	24/5/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	60
13	Tọa đàm về Lịch sử quan hệ quốc tế	24/5/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	100
14	Hội thảo khoa học: "Nâng cao năng lực và cải thiện chất lượng cuộc sống của phụ nữ - kinh nghiệm của Malaysia và Việt Nam".	25/7/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	30

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
15	Hội thảo Khoa học quốc tế "Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em - kinh nghiệm của một số quốc gia"	11/11/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
16	Hội thảo Cộng đồng ASEAN - Cơ hội và thách thức đối với phụ nữ	18/11/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	60
17	Hội thảo nghiên cứu và tham vấn chính sách "Trao quyền và an sinh trong các dự án kinh tế cho phụ nữ có thu nhập thấp ở 4 nước sông Mê Kông (CLMV)"	12/01/2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam	60
18	Hội thảo Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	25/9/2017	Học viện Phụ nữ Việt Nam	120
19	Hội thảo Phương pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ và nâng cao trình độ đọc hiểu môn tiếng Anh	12/12/2017	Học viện Phụ nữ Việt Nam	20
20	Hội thảo Khía cạnh giới và quyền của người lao động trong khuôn khổ các mục tiêu phát triển bền vững	31/8/2018	Học viện Phụ nữ Việt Nam	30
21	Hội thảo khoa học quốc tế "Doanh nhân nữ trong cách mạng công nghiệp 4.0"	18/10/2018	Học viện Phụ nữ Việt Nam	130

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Dự án "Chương trình đào tạo nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp cấp cộng đồng tại TP. Hồ Chí Minh"	TS. Trần Quang Tiến và nhóm 3 giảng viên Phân hiệu Học viện	Tổ chức dịch vụ cộng đồng và gia đình quốc tế (CFSD), Phillipines	2012 - 2014	2.897.230.630	Tăng cường kiến thức và kỹ năng về công tác xã hội cho năm trăm (500) nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp từ các tổ chức phi chính phủ (NGO) địa phương, tổ chức đoàn thể, và các tổ chức thiện nguyện khác hoạt động tại các xã/phường của địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận; và Đào tạo và hỗ trợ 50 giảng viên có thể tập huấn cho nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp tại cộng đồng trong 15 khóa học về công tác xã hội ngắn hạn với nội dung phù hợp với học viên.
2	Dự án nghiên cứu xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực nữ chất	TS. Trần Quang Tiến và nhóm 10	Đại học Chung - Ang, Hàn Quốc	2016 - 2020	3.800.000.000	3 lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên Hội Phụ nữ về phân tích số liệu định tính, định lượng, kỹ năng đề xuất chính sách, tập huấn nâng cao năng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	lượng cao giai đoạn 2016 - 2020	giảng viên, nghiên cứu viên Học viện				<p>lực xây dựng chiến lược; Một sách chuyên khảo về Thực trạng, chính sách và giải pháp đào tạo Nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam, NXB Thanh Niên (ISBN 978-604-64-5246-1) ; Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế do Học viện PNVN phối hợp với ĐH ChungAng tổ chức tại Học viện ngày 21/4/2016 để công bố các sản phẩm khoa học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan về hoạt động của Dự án hợp tác giữa Học viện Phụ nữ Việt Nam và Đại học Chung-Ang (Hàn Quốc); - Báo cáo Thực trạng và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao tại miền Bắc Việt Nam; - Báo cáo tổng hợp Phân tích chính sách đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao; - Kế hoạch chiến lược đào tạo nghề chất lượng cao cho Phụ nữ ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 2016- 2020;
3	Dự án “Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN Việt Nam trong lồng ghép giới và kinh tế trong an sinh xã hội”	TS. Trần Quang Tiến và nhóm 3 giảng viên Học viện	UN Women Việt Nam	2015	137.000.000	<p>Tổ chức 02 lớp tập huấn giảng viên nguồn về đáp ứng giới trong an sinh xã hội. Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng thí điểm cho cán bộ Hội LHPN cấp cơ sở một số tỉnh phía Bắc về đáp ứng giới trong an sinh xã hội. Tọa đàm với sinh viên về An sinh xã hội</p>
4	Dự án xây dựng tài liệu về giới và an sinh xã hội cho sinh viên hệ cử nhân của Học viện Phụ nữ Việt Nam và cán bộ Hội LHPN Việt Nam cấp cơ sở.	TS. Trần Quang Tiến và nhóm 10 giảng viên Học viện	UN Women Việt Nam	2015 - 2016	585.290.000	<p>Giáo trình Giới trong an sinh xã hội cho sinh viên hệ cử nhân của Học viện; Sổ tay Lồng ghép giới trong an sinh xã hội cho cán bộ Hội LHPN VN cấp cơ sở.</p>

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Nghiên cứu phạm vi về thực trạng phòng ngừa và ứng phó với quây rối tình dục và các hình thức bạo lực trên cơ sở giới khác với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng và Xây dựng chương trình thành phố an toàn tại thành phố Hồ Chí Minh	TS. Dương Kim Anh và nhóm 5 giảng viên, nghiên cứu viên Học viện	UN Women Việt Nam	2016	334.500.000	Báo cáo kết quả nghiên cứu
6	Đào tạo cán bộ nữ và cán bộ nữ dân tộc thiểu số cấp cơ sở, quản lý hai trang web "Sẵn sàng để thành công" và "Lãnh đạo nữ".	TS. Trần Quang Tiến và nhóm 10 giảng viên, nghiên cứu viên Học viện	UNDP Việt Nam	15/12/2017 - 31/12/2018	382.477.500	Báo cáo nghiên cứu khảo sát nhu cầu đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý của cán bộ nữ và cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số; 02 lớp tập huấn thí điểm kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ nữ và cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số; tiếp nhận và vận hành 02 trang web "Sẵn sàng để thành công" và "Lãnh đạo nữ" từ UNDP chuyển giao cho Học viện quản lý.
7	Nghiên cứu đánh giá đầu vào khảo sát về quây rối tình dục tại nơi làm việc với ActionAid Việt Nam	TS. Dương Kim Anh và nhóm 10 giảng viên, nghiên cứu viên Học viện	ActionAid Việt Nam	09/07/2018	143.500.000	Báo cáo kết quả nghiên cứu
8	"Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia bảo hiểm xã hội của phụ nữ khu vực phi chính thức"	Viện Nghiên cứu Phụ nữ		Năm 2018	400.000.000	03 chuyên đề thực tiễn; 01 báo cáo tổng hợp

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
9	Khả năng thích ứng nghề nghiệp của lao động nữ trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (trong 2 năm)	Viện Nghiên cứu Phụ nữ		Năm 2018 - 2019	500.000.000	01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; 01 báo cáo tóm tắt; 10 chuyên đề lý thuyết và thực tiễn; 02 bộ số liệu định lượng và định tính; 03 bài báo khoa học; 01 bài viết chuyên sâu
10	Thực trạng Công tác xã hội trong bệnh viện và giải pháp nâng cao hiệu quả CTXH trong bệnh viện	Khoa Công tác Xã hội		Năm 2018	50.000.000	01 báo cáo tổng hợp, 1 bộ số liệu
11	Cách ứng phó với khó khăn trong học tập của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam	Khoa Khoa học cơ bản		Năm 2018	50.000.000	Các chuyên đề lý luận và thực tiễn; Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài; 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành
12	Bạo lực hèn hò trong thanh niên: nguyên nhân và các yếu tố tác động (Nghiên cứu trường hợp tại Quận Đống Đa và huyện Ba Vì, TP Hà Nội)	Khoa Giới và Phát triển		Năm 2018	50.000.000	01 báo cáo tổng kết, 02 bộ số liệu định lượng và định tính
13	Bạo lực tinh thần trong các gia đình viên chức tại Hà Nội hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại 04 đơn vị sự nghiệp công lập tại Hà Nội)	Viện Nghiên cứu Phụ nữ		Năm 2018	50.000.000	01 báo cáo tổng hợp, 2 bộ số liệu định tính, định lượng
14	Nghiên cứu năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch tỉnh	Khoa Quản trị Kinh doanh		Năm 2018	50.000.000	Bộ công cụ nghiên cứu; Bộ kết quả và báo cáo xử lý số liệu điều tra; Báo cáo tổng hợp; Báo cáo khoa học đăng trên tạp chí KH Học viện Phụ nữ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Ninh Bình					Việt Nam; Bài viết chuyên sâu giới thiệu kết quả nghiên cứu trên website HVPNVN
15	Đời sống tình dục người cao tuổi, một số khuyến nghị từ hướng CTXH (nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội)	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài		Năm 2018	10.000.000	01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; 01 bài báo đăng tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học
16	Thực trạng và nhu cầu được đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam	ThS. Lê Kim Liên		Năm 2018	10.000.000	01 tập số liệu định lượng và định tính; 02 chuyên đề lý thuyết và kết quả nghiên cứu thực tiễn; 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài; 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành
17	Điều tra cơ bản về nhận thức, dự định khởi nghiệp của phụ nữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế - Giai đoạn I khu vực miền Bắc	Viện Nghiên cứu Phụ nữ		Năm 2018	500.000.000	01 báo cáo tổng hợp kết quả điều tra; 06 chuyên đề; 01 sách xuất bản
18	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả năng lực làm việc sau đào tạo bồi dưỡng của cán bộ Hội LHPN Việt Nam	TS Trần Quang Tiến và nhóm giảng viên		2016	100.000.000	01 báo cáo tổng hợp kết quả điều tra; 01 bài báo khoa học
19	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia lãnh đạo doanh nghiệp của phụ nữ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại khu vực Hà Nội	TS. Trần Quang Tiến và nhóm nghiên cứu	Quỹ Nafosted tài trợ	2017-2019	650.000.000	Báo cáo nghiên cứu, 2 bài báo quốc tế, 2 bài báo trong nước

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KDCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Dự kiến 2020	Dự kiến 3.5/7		Dự kiến Đạt	2020	2025

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

TS. Trần Quang Tiến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 - 2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	14.057,2	14.057,2		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	9.137,2	9.137,2		
b	Phân hiệu tại TP Hồ Chí Minh	4920	4920		
c	Cơ sở 2 tại xã Kiêu Ky, Gia lâm (đang lập dự án đầu tư)				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	30,112	30,112		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	22,486	22,486		
b	Phân hiệu tại TP Hồ Chí Minh	7626	7626		
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	0						
2	Phòng thực hành...	5	Thực hành các môn học, ngành học	Sinh viên, giảng viên		x		
3	Xưởng thực tập...	0						
4	Nhà tập thể chất đa năng (đang xây dựng)	1	Giảng dạy, giáo dục thể chất	Giảng viên, sinh viên	1680m² (3 tầng)	x		
5	Hội trường	8	Tổ chức hội thảo, các chương trình, các lớp	Giảng viên, cán bộ HV, đối tác thuê địa điểm	2520	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			tập huấn tại Học viện					
6	Phòng học...	35	Giảng dạy	Sinh viên, giảng viên	2795,2	x		
7	Phòng học đa phương tiện...	29	Giảng dạy	Sinh viên, giảng viên		x		
8	Thư viện...	2	Cho sinh viên mượn sách, đọc sách, tra cứu tài liệu	Sinh viên, nghiên cứu viên, giảng viên	720	x		
9	Trung tâm học liệu...	1				x		
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	152
3	Số máy tính của thư viện	15
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	3.600 đầu sách, 01 CSDL thư mục sách, khóa luận tốt nghiệp, phần mềm tra cứu văn bản luật Việt Nam, Phần mềm quản lý và tra cứu VBQPPL Việt Nam, Emerald ebook Cơ sở dữ liệu điện tử quốc tế Proquest và emerald ebook có hợp đồng giai đoạn 2016-2019, có thể truy cập trực tiếp trên hvpnv.edu.vn
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	5

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên (m ² /SV)	7
2	Diện tích sàn/sinh viên (m ² /SV)	15

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

TS. Trần Quang Tiến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 – 2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	105	0	4	19	77	9					
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	76	0	4	16	56	4					
<i>a</i>	<i>Khối ngành III</i>	<i>41</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>6</i>	<i>32</i>	<i>3</i>					
a1	Quản trị kinh doanh	20			4	15	1					
a2	Quản trị du lịch và lữ hành	4		1	1	3						
a3	Luật	17	0	0	1	14	2					
<i>b</i>	<i>Khối ngành VII</i>	<i>35</i>	<i>0</i>	<i>3</i>	<i>10</i>	<i>24</i>	<i>1</i>					
b1	Công tác xã hội	19		3	6	12	1					
b2	Giới và Phát triển	11			3	8						
b3	Truyền thông đa phương tiện	5			1	4						
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	29	0	0	3	21	5					

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Giảng viên các môn chung					
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1973	Nữ	Phó phòng Đào tạo	Ths	Quản lý giáo dục
2	Lê Kim Liên	1977	Nữ	Giảng viên	Ths	Quản lý giáo dục
3	Nguyễn Văn Tòng	1988	Nam	Chuyên viên	ThS	Tâm lý học
4	Phạm Thị Thanh Tuyền	1983	Nữ	Chuyên viên	Cử nhân	Công nghệ thông tin
5	Đoàn Thị Trang	1979	Nữ	Trưởng khoa Khoa học CB	TS	Kinh tế chính trị
6	Lưu Song Hà	1962	Nữ	Giảng viên	TS	Tâm lý học
7	Nguyễn Thị Phụng	1977	Nữ	Giảng viên	ThS	Tâm lý học
8	Vũ Thị Bích Đào	1978	Nữ	Giảng viên	ThS	Triết học
9	Bùi Thị Thu	1978	Nữ	Giảng viên	ThS	PN, giới và PT
10	Phùng Thị Minh Trang	1991	Nữ	Giảng viên	ThS	Phương pháp dạy tiếng anh
11	Lưu Minh Ngọc	1987	Nữ	Giảng viên	ThS	Lịch sử ĐCS Việt Nam
12	Nguyễn Hoàng Anh	1972	Nữ	Viện phó Viện nghiên cứu	ThS	Tâm lý học
13	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1978	Nữ	Viện phó Viện nghiên cứu	TS	Văn học
14	Hà Thị Thuý	1979	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Tâm lý học
15	Phan Thị Thu Hà	1985	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Xã hội học
16	Tô Lan Phương	1981	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Tâm lý học
17	Trần Thị Hồng Vân	1963	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Tâm lý học
18	Trương Thị Đẹp	1963	Nữ	Trưởng P. Đào tạo Phân hiệu	ThS	Triết học
19	Lê Thanh Nga	1961	Nữ	Giảng viên	Cử nhân	
20	Nguyễn Thị Thu Hương	1980	Nữ	Giảng viên	ThS	Ngữ văn
21	Hoàng Thị Hương Giang	1992	Nữ	Giảng viên	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh
22	Tạ Văn Thành	1980	Nam	Giảng viên	ThS	Quản lý giáo dục
23	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1971	Nữ	Giảng viên	ThS	Tâm lý học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
24	Lê Thị Thùy Linh	1986	Nữ	Giảng viên	ThS	Tâm lý học
25	Nguyễn Thị Lệ Thủy	1985	Nữ	Giảng viên	ThS	Lịch sử ĐCS Việt Nam
26	Vũ Văn Duân	1990	Nam	Giảng viên	Đang học ThS	Giáo dục thể chất
27	Phan Cao Quang Anh	1976	Nam	Phó Giám đốc TTCNTT	Đang học ThS	Công nghệ thông tin
28	Quyết Thị Mai Phương	1990	Nữ	Chuyên viên	ThS	Ngôn ngữ Anh, Thạc sỹ du lịch
29	Nguyễn Hồng Nhung	1985	Nữ	Giảng viên	ThS	Triết học
II	Khối ngành III					
II.1	Luật					
1	Hà Thị Thanh Vân	1972	Nữ	Phó Giám đốc	Ths	Quản lý hành chính công
2	Trịnh Thị Hoàng Anh	1989	Nữ	Giảng viên	Ths	Luật học
3	Nguyễn Thị Phương	1979	Nữ	Giảng viên	Ths	Hành chính công
4	Hoàng Hương Thùy	1978	Nữ	Trưởng phòng HTQT	ThS	Luật học, đang nghiên cứu sinh
5	Vũ Thị Ngọc	1987	Nữ	Chuyên viên	ThS	Quan hệ quốc tế
6	Nguyễn Phi Long	1976	Nam	Phó Phòng Công tác sinh viên	TS	Luật học
7	Đào Thị Quỳnh Mai	1987	Nữ		Đang học ThS	Luật học
8	Lương Văn Tuấn	1976	Nam	Phó Khoa Luật	TS	Luật học
9	Nguyễn Thị Khánh Ly	1982	Nữ	Giảng viên	ThS	Luật học
10	Nguyễn Thanh Hiền	1978	Nữ	Giảng viên	ThS	Luật học, đang NCS
11	Trần Thị Thanh Huyền	1986	Nữ	Giảng viên	ThS-	Luật học, đang NCS
12	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1991	Nữ	Giảng viên	ThS	Luật học
13	Nguyễn Thị Huyền Trang	1990	Nữ	Giảng viên	ThS	Luật học
14	Đỗ Trọng Tuấn	1985	Nam	Giảng viên	ThS	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
15	Lưu Trần Phương Thảo	1983	Nữ	Giảng viên	ThS	Luật học
16	Hoàng Thị Hải Yến	1994	Nữ	Giảng viên	Đang học ThS	Luật Kinh tế
17	Bùi Diễm Hằng	1987	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Quản lý công
II.2	Quản trị kinh doanh					
1	Trần Quang Tiến	1972	Nam	Giám đốc	TS	Kinh tế học, GVCC
2	Phạm Thị Diễm	1966	Nữ	Trưởng phòng TCHC	ThS	Tài chính vi mô
3	Nguyễn Minh Phương	1980	Nữ	Trưởng phòng TCKT	ThS	Quản trị nhân lực
4	Bùi Gia Huân	1981	Nam	Phó phòng QTCSVC	ThS	Quản trị kinh doanh
5	Trần Thị Vân Oanh	1974	Nữ	Phó phòng TCHC	ThS	Quản trị kinh doanh
6	Phạm Hồng Hải	1978	Nữ	Phó khoa QTKD	TS	Kinh tế
7	Đỗ Thanh Hương	1978	Nữ	Chuyên viên dự án Tài chính vi mô	ThS	Quản trị kinh doanh
8	Ngô Minh Hiền	1978	Nữ	Giám đốc TT nâng cao năng lực phụ nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
9	Đoàn Thị Yến	1988	Nữ	Giảng viên	ThS	Thương mại
10	Dương Trọng Thủy	1979	Nữ	Giảng viên	ThS	Kế toán, đang NCS
11	Nguyễn Anh Tú	1981	Nam	Giảng viên	ThS	Kinh tế, đang NCS
12	Vũ Khánh Chi	1986	Nữ	Chuyên viên	ThS	Quản trị kinh doanh
13	Lê Tuyết Nhung	1984	Nữ	Giảng viên	ThS	Quy hoạch và Pt nhân lực
14	Ngô Thị Hồng Nhung	1983	Nữ	Giảng viên	ThS	Quản trị kinh doanh, đang NCS
15	Phạm Thị Hạnh	1986	Nữ	Chuyên viên	ThS	Quản trị kinh doanh
16	Đào Thị Tuyết Hạnh	1963	Nữ	Phó giám đốc phân hiệu	ThS	Quản trị kinh doanh
17	Lê Văn sơn	1977	Nam	Giảng viên	TS	Kinh tế
18	Phùng Thị Quỳnh Trang	1984	Nữ	Giảng viên	TS	Kinh tế

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
19	Lê Hồng Việt	26/05/1905	Nữ	Nghiên cứu viên	ThS	Kinh tế
20	Trịnh Khánh Linh	1995	Nữ	Chuyên viên	Đang học ThS	Quản trị kinh doanh
II.3	Quản trị du lịch và lữ hành					
1	Phạm Thị Hạnh	1985	Nữ	Giảng viên	ThS	Quản trị kinh doanh
2	Phạm Thị Nhạn	1976	Nữ	Giảng viên	ThS	Quản trị du lịch
3	Bùi Thị Trang	1992	Nữ	Giảng viên	ThS	Quản trị du lịch và lữ hành
4	Lại Xuân Thủy	1964	Nam	Phó khoa QTKD	TS	Kinh tế, PGS
III	Khối ngành VII					
III.1	Công tác xã hội					
1	Bùi Thị Mai Đông	1964	Nữ	Trưởng Khoa Công tác xã hội	TS	Tâm lý giáo dục, GCCC
2	Đoàn Thị Thanh Huyền	1974	Nữ	Phó khoa Công tác xã hội	TS	Xã hội học, GVC
3	Nguyễn Thị Thu Hương	1982	Nữ	Giảng viên	ThS	Xã hội học, đang NCS
4	Nguyễn Văn Thanh	1984	Nam	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội
5	Đỗ Thị Thu Phương	1986	Nữ	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội, đang NCS
6	Lê Thị Thu	1988	Nữ	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội
7	Trịnh Hà My	1989	Nữ	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội
8	Nguyễn Thị Oanh	1987	Nữ	Giảng viên	ThS	Công tác xã hội
9	Võ Văn Dân	1974	Nam	Giảng viên	ThS	Xã hội học
10	Trương Thu Trà	1980	Nữ	Giảng viên	ThS	Quản lý giáo dục
11	Trần Xuân Quỳnh	1984	Nữ	Giảng viên	ThS	Ngữ văn
12	Nguyễn Thị Thu Hà	1970	Nữ	Giảng viên	TS	Tâm lý học
13	Võ Thị Mai	1963	Nữ	Giảng viên	TS	Tâm lý học
14	Vũ Ngọc Hà	1973	Nữ	Giảng viên	TS	Tâm lý học
15	Nguyễn Thị Thu Hoài	1973	Nữ	Giảng viên	TS	Xã hội học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
16	Nguyễn Hoàng Phương	1995	Nữ	Chuyên viên	Cử nhân	CTXH
17	Lê Thị Thanh Tâm	1979	Nữ	Giảng viên	ThS	CTXH
18	Lê Thị Thu Phương	1991	Nữ	Giảng viên	ThS	CTXH
19	Trần Thị Thu Hương	1982	Nữ	Giảng viên	ThS	CTXH
III.2	Giới và Phát triển					
1	Dương Kim Anh	1974	Nữ	Phó giám đốc	TS	Giới và Phụ nữ học
2	Trần Thị Thu Hiền	1975	Nữ	Phó khoa Giới và PT	TS	Văn học
3	Nguyễn Phương Chi	1986	Nữ	Giảng viên	ThS	Giới và Phụ nữ học
4	Phạm Thị Xuân Linh	1981	Nữ	Giảng viên	ThS	Xã hội học
5	Nguyễn Thị Lan	1984	Nữ	Giảng viên	ThS	Giới và nhân chủng học
6	Trần Thị Minh Nguyệt	1980	Nữ	Giảng viên	ThS	Nhân học ứng dụng và PT
7	Trần Hồng Hạnh	1986	Nữ	Giảng viên	ThS	Nghiên cứu về giới quốc tế
8	Lê Thị Tường Vân	1976	Nữ	Giảng viên	TS	Tâm lý học
9	Phan Thị Cẩm Giang	1987	Nữ	Giảng viên	ThS	Tâm lý
10	Bùi Thị Phương	1989	Nữ	Giảng viên	ThS	Xã hội học
11	Mai Thị Quế	1981	Nữ	Giảng viên	ThS	Xã hội học
III.3	Truyền thông đa phương tiện					
1	Kiến Thị Huệ	1986	Nữ	Giảng viên	ThS	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng
2	Đặng Hải Hà	1981	Nữ	Giảng viên	ThS	Mỹ thuật ứng dụng
3	Lê Thị Minh Huyền	1984	Nữ	Giảng viên	ThS	Báo chí
4	Nguyễn Thu Hà	1989	Nữ	Giảng viên	ThS	Báo chí
5	Dương Văn Thắng	1965	Nam	Giảng viên	TS	Báo chí

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	16
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	18

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

TS. Trần Quang Tiến

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-
3	Đại học	Triệu đồng/năm	7.350	29.400
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	7.350	29.400
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	7.350	29.400
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	7.350	29.400
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	42,9	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	19,7	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	12,2	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	-	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	11	

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC 




TS. Trần Quang Tiên